

# Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, Phần 7

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

## Tập 19

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng của phần “*hàng cây diên pháp*”. Để tổng kết kinh văn, đức Phật bảo:

***Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.***

**舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。**

*(Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế).*

Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị đại ý của đoạn tổng kết. Nói chung, đức Thế Tôn kỳ vọng chúng ta sẽ sanh lòng tin sâu đậm chẳng nghi ngờ đối với hết thảy sự trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, chúng được thành tựu bởi hạnh nguyện của A Di Đà Phật, cũng như do “*tịnh nghiệp của mỗi hành nhân vãng sanh Tịnh Độ cảm thành, chỉ do Thức biến*”. Tâm Phật và tâm chúng sanh dung hợp thành một thể, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Cuối cùng, chúng tôi nói: “*Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*” (toàn bộ Lý chính là Sự, toàn bộ Sự chính là Lý, hoàn toàn khởi tu nơi tánh, toàn bộ tánh dốc hết nơi tu). Bốn câu này bàn luận đến mức cùng tuyệt, tức là “*Tánh và Tu không hai*”, Tánh Đức và Tu Đức dung hợp thành một Thể. Đạo lý này hết sức sâu xa, nhưng nếu luận trên mặt sự tướng tu học của Tịnh Độ thì lại vô cùng “*thiển hiển*” (rõ ràng, dễ hiểu). Nói tới chỗ này chính là thâm - thiển bất nhị (sâu và cạn chẳng hai).

Câu cuối cùng chính là lời cảm thán thiết tha của đại sư Ngẫu Ích: “*Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đọa thử tức điều không chi tiểu dã*” (Sao lại lìa Tịnh Độ này để bàn riêng lẽ duy tâm Tịnh Độ, cam chịu tiếng chê ‘thử tức điều không’). Hết sức cảm thán! Đây là lời trách những kẻ chẳng chất phác, thật thà niệm Phật, coi rẻ pháp môn Niệm Phật, thích “*đàm huyền thuyết diệu*” (bàn luận những chuyện huyền diệu). Nếu bảo là Có thì thật ra, kẻ ấy chưa hiểu được lý Diệu Hữu. Nếu nói là Không, kẻ ấy cũng chẳng biết đạo lý Chân Không; toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi! Nói chung, không thoát khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Cuối câu nói trên đây, Tổ nêu thí dụ: “*Thử tức*” là tiếng chuột kêu, “*điều không*” là chim bay trên không chẳng lưu lại dấu tích. Dùng những hình ảnh này để tỷ dụ: Dùng Thử Tức<sup>1</sup> để tỷ dụ những kẻ nói Có nhưng chẳng biết lý Diệu Hữu; dùng Điều Không để

<sup>1</sup> Ý nói: Kẻ không hiểu lý Diệu Hữu, cứ lải nhải “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc... tâm tức Phật, Phật tức tâm*”, giống như tiếng chuột kêu chút chút (ở đây dùng chữ Tức để mô phỏng tiếng chuột kêu).

tỷ dụ những kẻ ưa thích nói Không, nhưng thực sự chẳng hiểu thế nào là Chân Không. Chân Không và Diệu Hữu là một, chứ không phải hai.

Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường giảng: “*Tướng có, tánh không; từ trong Không sanh ra Có, Có trở về Không*”, sanh ra rồi quay về, trong thực tế, chúng ta không có cách gì hiểu được, tốc độ [diễn biến] quá nhanh. Vì thế, đức Phật nói là “*bất sanh, bất diệt*”. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Như lộ, diệt như điện, ứng tác như thị quán*” (Như sương cũng như chớp, nên thường quán như vậy). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Ngay chỗ này xuất sanh, ngay nơi này diệt mất). Sanh - diệt hầu như đồng thời, bởi thế gọi là “*bất sanh, bất diệt*”. Niệm thứ nhất vừa diệt, niệm thứ hai bèn sanh tiếp theo ngay. Niệm thứ hai vừa diệt, niệm thứ ba liền sanh tiếp theo ngay. Tốc độ nhanh chóng, chẳng những phàm phu không thể biết, kinh Đại Thừa nói ngay cả hàng Thất Địa Bồ Tát cũng không biết, từ Bát Địa Bồ Tát trở lên mới thấy được. Dùng công phu định lực rất sâu như vậy thì Bát Địa Bồ Tát mới thấy được cái tướng Động cực kỳ vi tế ấy (tướng Động ấy chính là vô minh, là nghiệp tướng vô minh).

Hiện tại các nhà khoa học đã từ phương pháp suy luận Toán Học tìm ra đạo lý này; họ nói Hữu từ đâu mà có? Hữu từ Không sanh ra, “*vô trung sanh hữu*”. Hữu lại trở về Không trong từng sát-na. Chúng ta nói là từng sát-na, chứ thật ra thời gian tính bằng sát-na vẫn còn dài lắm! Không có cách gì diễn tả được hết! Người “luận Không, bàn Có” chẳng tách khỏi ý thức; nói cách khác, hoàn toàn không rời được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giống như chuột kêu, như chim bay trên không, chẳng tìm được dấu tích. Đại Sư cảm thán cho những kẻ có duyên phận gặp được pháp môn này, nhưng chẳng chịu thật thà tu tập, thật đáng tiếc!

Đàm huyền thuyết diệu là những ai? Những hạng người trong Tông Môn, Giáo Hạ, đặc biệt là trong thời Mạt Pháp này. Chúng ta biết niên đại của đại sư Ngẫu Ích cách chúng ta không xa, Ngài sanh vào niên hiệu Vạn Lịch 26 đời Minh (tức năm 1598), tính ra Ngài là người thuộc thế kỷ 16. Lão nhân gia viên tịch nhằm năm Thuận Trị 11 đời Thanh (tức năm 1654). Đại Sư trụ thế năm mươi bảy năm, không lâu! Ngài vãng sanh lúc năm mươi bảy tuổi. Thành tựu của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, là một vị nhất đại tông sư của Tịnh Tông. Ấn Quang đại sư tán thán bộ Yếu Giải như sau: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai chú giải kinh Di Đà một lần nữa, cũng chẳng thể hay hơn bản này được*”. Lời khen này chẳng sai một tí nào. Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí khen ngợi đại sư như thế, thì Ngẫu Ích đại sư là ai? Chúng tôi nghĩ nếu không phải là A Di Đà Phật thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, chứ chẳng phải ai khác nên Đại Thế Chí Bồ Tát mới tán thán như thế.

Thời gian Phật, Bồ Tát ứng hóa trụ trong thế gian dài hay ngắn đều do duyên cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có Cảm, Phật, Bồ Tát liền Ứng. Không còn duyên nữa, Phật, Bồ Tát bèn đi. Ấn hiện vô thường, ấn hiện tự tại, đúng là “*thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng*” (ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng). Nay chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo.

### 6.3.1.3. Chánh báo màu nhiệm

Đoạn tiếp theo nói về chánh báo màu nhiệm. Trước hết, chúng ta hãy đọc kinh văn một lượt:

***Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật hà cố hiệu A Di Đà?***

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

*(Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà?)*

Đây là lời đức Thế Tôn hỏi tôn giả Xá Lợi Phát. Tiếp đó, đức Phật giải đáp.

***Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quang minh vô lượng chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà.***

舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

*(Này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu các cõi nước mười phương không bị chướng ngại. Vì thế, Ngài hiệu là A Di Đà).*

Chúng ta đọc tiếp luôn đoạn dưới.

***Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Cố danh A Di Đà.***

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

*(Lại này Xá Lợi Phát! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).*

Chúng ta phải đọc đến đây mới thấy ý nghĩa chung của cả đoạn. [Sách Yếu Giải nhân định]: “*Thử kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dụng nhân thâm tín vạn đức hồng danh bất khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục nghi nhị dã*” (Kinh này chỉ bày đích xác diệu hạnh Trì Danh; vì thế đặc biệt trình bày, giải thích danh hiệu, ngõ hầu làm cho con người tin sâu vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ gì nữa). Trước hết, phải hiểu đức Phật dạy điều gì trọng yếu nhất trong kinh này? Chính là dạy chúng ta “chấp trì danh hiệu”. Trong bốn cách niệm Phật thì thuận tiện nhất, dễ dàng nhất, thù thắng nhất không pháp nào hơn được Trì Danh. Bốn pháp Niệm Phật là Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Kinh này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, hoàn toàn có cùng chủ trương với kinh Vô Lượng Thọ. Bởi vậy, danh hiệu rất trọng yếu! Đặc biệt muốn nêu bật danh hiệu, nên đức Phật kêu Xá Lợi Phát để hỏi: “Ý ông nghĩ sao? Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vì lý do gì hiệu là A Di Đà?”

“A Di Đà” là tiếng Phạn, “*chánh phiên Vô Lượng*” (dịch thành Vô Lượng). A là Vô, Di Đà là Lượng. Dịch theo mặt chữ là Vô Lượng. “*Bốn bất khả thuyết*” (vốn chẳng thể nói), vô lượng như thế nào? Không có gì chẳng phải là vô lượng, điều gì cũng vô lượng, đó là ý nghĩa của danh hiệu. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian, bất cứ pháp nào cũng đều vô lượng, vì sao? Xứng tánh! Trong Thiên Tông, lão hòa thượng phải khảo sát coi học trò có đại triệt đại ngộ hay không. Trong rất nhiều công

án Thiên Tông, chúng ta thường thấy lão hòa thượng khảo học trò: “Người thực sự hiểu à? Vậy thì cầm lấy một pháp đưa cho ta xem”. Học trò đúng là tùy tiện lấy một pháp, cầm một phiến lá, cầm một nhánh cỏ, gơ một ngón tay, nghĩa là sao? Chúng ta không hiểu gì hết. Lão hòa thượng gật đầu, ấn chúng. Chúng ta chỉ biết là nhiệm màu không thể nói nổi!

Bất cứ một pháp nào cũng đều là vô lượng; trong Chân Như bốn tánh không có dài - ngắn, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. Nói thật ra, không có cách gì để giảng chữ A Di Đà cả, chẳng thể nghĩ bàn! Vậy thì ở đây đức Phật dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng trong [những sự vô lượng ấy], “*Bốn Sư dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng để gồm thâu hết thảy vô lượng*”). Quang minh và thọ mạng biểu thị pháp, Quang biểu thị không gian, Thọ biểu thị thời gian. “*Quang thị hoành biến thập phương, Thọ thị thụ cùng tam tế*” (Quang là chiếu khắp mười phương theo chiều ngang, Thọ là tốt cùng ba đời (tam tế) theo chiều dọc). “Tam tế” (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Hoành thụ giao triệt*” (cùng khắp cả chiều ngang lẫn chiều dọc), tức là “*pháp giới thể*”. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là pháp giới thể. “*Cử thử Thế tác Di Đà thân độ*” (Nêu lên cái Thể này để làm thân và cõi của A Di Đà Phật): Thân A Di Đà Phật là pháp giới, tức là pháp giới thể. Cõi nước Cực Lạc cũng là pháp giới thể.

“*Diệc tức cử thử Thế tác Di Đà danh hiệu*” (Cũng chính là nêu lên cái Thể này để tạo thành danh hiệu A Di Đà). Như vậy thì danh hiệu A Di Đà là gì? Chính là danh hiệu của tự tánh, danh hiệu của Chân Như bốn tánh. Niệm một câu A Di Đà Phật là niệm Tự Tánh Phật. Nếu chúng ta thắc mắc: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có A Di Đà Phật hay không? Có chứ! Không những có, mà còn thực sự có. Có tướng ấy, Tánh và Tướng là một, không hai. Chẳng những Tánh và Tướng là một, không hai; mà tự - tha cũng là một, không hai. Toàn thể vũ trụ và ta là một, không hai. Sự kiện này ai hiểu được? Càng nói chúng ta càng mê hoặc, nhưng đó là sự thật. “*Trọn pháp giới hư không giới là một con mắt của Sa-môn*”, đây là một công án nổi tiếng trong nhà Thiền, rất nhiều người nói được. Toàn là lời thật, lời của những người thực sự khế nhập cảnh giới.

Bởi thế, sách Yếu Giải viết tiếp: “*Tức chúng sanh bốn giác lý tánh, trì danh tức Thi Giác hợp Bốn*” (Chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh, Trì Danh là Bốn Giác hợp cùng Thi Giác). Pháp này nhiệm màu đến cùng cực! Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác. A Di Đà là Bốn Giác, tức là Bốn Giác nơi tự tánh [của mỗi hành nhân Tịnh Độ], nay chúng ta phát tâm niệm một câu A Di Đà Phật thì cái tâm niệm ấy là Thi Giác. Thi Giác và Bốn Giác là một, không phải hai. “*Thi, Bốn bất nhị, sanh - Phật bất nhị*” (Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai; chúng sanh và Phật không hai). “*Sanh*” là chúng sanh, là chính chúng ta. Bản thân chúng ta và A Di Đà Phật bất nhị, Thi Giác và Bốn Giác bất nhị. “*Cổ nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm Phật nhân bất khả bất tri thử nghĩa dã*” (Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Người niệm Phật chẳng thể không biết nghĩa lý này). Người niệm Phật chúng ta hiện nay rất nhiều, có mấy ai hiểu được ý nghĩa này? Chẳng hiểu ý nghĩa này! Chẳng hiểu ý nghĩa này thì niệm Phật không tương ứng, nên chỉ là “*miệng có,*

*tâm không*”. Nếu quý vị hiểu được nghĩa lý này thì sẽ biết niệm, người biết niệm Phật sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

Nghĩa là sao? Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã giảng rất hay: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Tâm tự được khai, “*tâm khai*” là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dùng pháp môn Niệm Phật để minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là Lý nhất tâm bất loạn. Vì vậy, có người niệm Phật đắc Lý nhất tâm, có người đắc Sự nhất tâm, có người đắc công phu thành phẩm, có người cái gì cũng không đạt, tâm vẫn là một mớ lộn xộn. Vấn đề chính là quý vị niệm có biết niệm hay không, có tương ứng hay không tương ứng mà thôi! Do đây biết rằng: Kinh giáo này chẳng chỉ dạy điều chi khác, chỉ là kinh Vãng Sanh! Trong những kinh Vãng Sanh, tối thiểu phải hiểu kỹ kinh A Di Đà. Vì sao? Nếu thực sự hiểu rõ, minh bạch thì Phật hiệu sẽ tương ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chẳng hiểu lý, chẳng rõ cảnh giới, phương pháp cũng mơ hồ, dẫu thời gian niệm Phật dài lâu cũng khó lòng thành tựu. Bởi lẽ, quý vị niệm Phật chẳng tương ứng, chẳng tương ứng với tự tánh, tự tánh là Phật. Không tương ứng với tự tánh thì ta và A Di Đà Phật (chúng tôi thường nói là tâm - nguyện của A Di Đà Phật, “*tâm - nguyện - giải - hạnh*” của A Di Đà Phật, chúng tôi hay nói bốn chữ này) chẳng tương ứng. Trong mỗi niệm đều tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật là Đệ Nhị Nghĩa. Ở đây, sách Yếu Giải nói đến Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa rất khó đạt, tương ứng với Tánh - Thể là Lý nhất tâm bất loạn. Đệ Nhị Nghĩa chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, nhưng có thể đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật. Nếu quý vị chẳng thông giáo nghĩa, sẽ rất khó khăn!

Nếu như có ai vặn hỏi: “Từ cổ đến nay, chúng ta thấy có rất nhiều ông già bà cả niệm Phật, chưa từng đi học, chẳng biết chữ, xưa nay chưa hề nghe [giảng] giáo nghĩa, cái gì cũng không biết, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, sao họ vẫn thành công?” Chớ nên coi thường hạng người bậc nhất ấy! Thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đã chín muồi, không có vọng niệm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều không có, nên tự nhiên tương ứng với một câu Phật hiệu. Chính bản thân họ cũng không biết chính mình đã tương ứng! Dẫu thiện căn của họ sâu hay cạn, công phu siêng hay lười, vẫn có thể thực sự thành công vãng sanh. Sanh về cõi Đồng Cư là người thiện căn, công phu nông cạn. Sanh về cõi Phương Tiện là hạng người thiện căn, công phu sâu hơn một bậc nữa. Người tối thượng thừa, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần, tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thật hiếm có. Vừa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen liền nở gặp Phật ngộ Vô Sanh, chớ nên xem thường!

Ngày nay chúng ta gặp chướng ngại, tập khí phiền não quá nặng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không buông xuống được. Vọng niệm quá sức nhiều, dùng bất cứ phương pháp gì cũng không ngưng dứt được, chẳng thể không biết điều này. Người thực sự dụng công phải tìm ra phương pháp ngưng dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thực sự sám hối, khẩn thiết cầu Phật gia trì. Phật trên mặt Lý là có, mà trên mặt Sự cũng có. Thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự có A Di Đà Phật, không giả chút nào hết! Chúng ta nghiệp chướng nặng dướng ấy, làm cách nào đây?

Không cầu Phật gia trì sẽ không thể giải quyết vấn đề ấy. Phải cầu Phật, khẩn thiết cầu Phật!

Trước kia, thầy Lý dạy tôi “*chỉ thành cảm thông*”: Chân thành đến cùng cực thì sự cảm ứng sẽ hiện tiền. Quý vị nói mình rất chân thành, nhưng trong sự chân thành ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; chỉ cần xen tạp một tí tẹo, lòng chân thành đã bị phá hoại rồi. Chỉ là thành, chứ chưa phải chân thành, vì còn xen tạp vọng niệm, xen tạp nghi hoặc: “Mình cầu như vậy có đúng hay không? Phật có thực sự đến hay không? Cầu suốt hai ba ngày mà sao Phật vẫn không đến?” Không chân thành! Vẫn còn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xen tạp dục vọng, chẳng tương ứng! Vì thế, chẳng thể không biết ý nghĩa này. Có hiểu ý nghĩa này rồi thì quý vị mới hiểu [vì sao] chẳng thể không tu pháp sám hối.

Lúc chúng tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, xin nghỉ việc, nghĩ muốn đi xuất gia; lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi làm quen với pháp sư Sám Vân, đến tiểu thảo xá của pháp sư Sám Vân ở Phố Lý, sống trong tiểu thảo xá ấy để làm công quả. Gian tiểu thảo xá đó chỉ có năm người, ba vị xuất gia là pháp sư Sám Vân, pháp sư Đạt Tông, và pháp sư Bồ Diệu; hai người cư sĩ là lão cư sĩ Châu Kính Trụ và tôi. Lúc đó cụ Châu bảy mươi tuổi, tôi nhỏ tuổi nhất, hình như ba mươi một tuổi. Tôi làm công quả ở thảo xá, dọn dẹp vệ sinh, mỗi ngày nấu hai bữa (thảo xá chỉ ăn Ngọ, không ăn chiều, nấu hai bữa thôi), giặt quần áo. Đun bếp trên núi phải đi nhặt củi, không cần chẻ củi. Trên núi cây khô, cành nhánh lá cây rụng xuống rất nhiều; mỗi ngày đi nhặt, nhặt củi về đun bếp; trồng rau trên núi, đó là việc của tôi.

Ngoài ra, pháp sư Sám Vân dạy tôi phương pháp tu hành: Lễ Phật! Quy định công khóa lễ bái mỗi ngày là tám trăm lạy, hay lắm! Thực sự đặc lực, lễ Phật để sám trừ nghiệp chướng. Buổi sáng lễ ba trăm lạy, buổi chiều lễ ba trăm lạy. Buổi trưa ăn cơm xong liền nhiều Phật kinh hành khoảng chừng nửa giờ, nhiều xong, lễ Phật hai trăm lạy nữa. Còn dư một chút thời gian thì pháp sư Sám Vân chỉ định công khóa của tôi là xem chú giải kinh A Di Đà, Ngài trao cho tôi ba bản chú giải: Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Tôi tự xem, thầy chẳng dạy, chẳng giảng, bảo tôi phân tích thành biểu giải.

Hoàn tất ba bộ công khóa ấy xong, đọc xong rồi, thầy bảo tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, tôi lên núi đọc sách, đọc rất nhiều thứ. Ba bộ chú giải kinh A Di Đà, Văn Sao của Ấn Quang đại sư. Lúc đó Ấn Quang Văn Sao mới chỉ có bộ Chánh Biên và Tục Biên. Ở Đài Loan lúc đó, Văn Sao in thành một bộ bốn cuốn, mang tựa đề Văn Sao Chánh Tục Biên. Tôi lên núi học suốt năm tháng rưỡi. Trong năm tháng rưỡi, lạy mười mấy vạn lạy, đúng là tiêu nghiệp chướng. Trong lúc lễ Phật, tâm không tạp niệm, chỉ có A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, nghĩ đến A Di Đà Phật. Nay người mới xuất gia không có được phước khí như vậy. Tôi vào thảo xá chăm sóc ba vị pháp sư, một vị lão cư sĩ, mình tôi làm công quả để tu phước! Tôi một chút phước báo cũng không có, phước báo là do tu tại nơi đó, nhờ đó mới bắt đầu tu phước. Lễ Phật sám hối tiêu nghiệp, đọc chú giải kinh A Di Đà và Ấn Quang Văn Sao để mở mang trí huệ, phước huệ song tu. Quý vị phải thực sự thực hành mới được, chớ có sợ khổ.

Lúc ấy, lão cư sĩ Lý Bình Nam sáng lập một Đồ Thư Quán (thư viện) ở Đài Trung, tức là Từ Quang Đồ Thư Quán; phòng chừng Đồ Thư Quán xây cất chẳng bao lâu sẽ xong, tôi bèn rời Phố Lý đến Đài Trung, phát tâm học kinh giáo với thầy Lý. Tôi đến phục vụ trong Đồ Thư Quán. Lúc đó, tại Đồ Thư Quán có ba người, nếu tính cả người

chuyên môn nấu bếp thì tổng cộng là bốn người, làm công quả có bốn người. Công việc rất nhẹ nhàng. Công việc cũng không có gì nhiều, tối thiểu là tôi không phải giặt quần áo cho mọi người, không phải nấu cơm; có người khác nấu rồi! Chỉ giặt quần áo của mình rất tiện, có nhiều thời gian đọc sách. Lúc mới đến Đài Trung, tôi vẫn lễ Phật, mỗi ngày lạy ba trăm lạy, theo mọi người tụng công khóa sáng, buổi sáng lễ một trăm lạy, giữa trưa lễ một trăm lạy, buổi chiều lễ một trăm lạy. Giữ được như vậy trong một thời gian rất lâu, phải thực sự làm nghe! Vừa mới vào cửa Phật thì khổ hạnh là phương pháp tu học đặc lực nhất. Không chịu được khổ, chẳng chịu làm thì không có cách chi hết.

Chúng tôi thường khuyến khích mọi người phải lễ Phật, lễ Phật tiêu nghiệp chướng. Lúc lễ Phật tâm phải định. Quý vị muốn tìm phương pháp ư? Lễ Phật là phương pháp, Niệm Phật là phương pháp, tịnh tọa là phương pháp, đọc kinh nghiên cứu giáo pháp cũng là phương pháp. Phương pháp nào có hiệu quả cho quý vị thì mỗi người không giống nhau, mỗi người căn tánh khác biệt. Bản thân tôi khi nhiếp tâm thấy vọng niệm nhiều quá, làm thế nào để vọng niệm bớt đi một chút đây? Đối với tôi, phương pháp hữu hiệu nhất chính là lễ Phật và nghiên cứu kinh giáo, trong những lúc làm như vậy bèn không có vọng tưởng. Vì thế, sau này tôi đi theo con đường giảng kinh, thời gian lễ Phật ngày càng ít hơn, nhưng tăng thêm thời gian đọc kinh nghiên cứu giáo lý. Mỗi ngày phải đọc, lúc đọc bèn khuyên hay chấm<sup>2</sup>, những chỗ quan trọng tôi dùng bút màu khoanh lại, viết ghi chú hay tóm tắt đơn giản bên cạnh. Tập trung tinh thần, ý chí, không vọng tưởng; hễ có vọng tưởng là trật rồi!

Lúc lễ Phật không được có vọng tưởng, có vọng tưởng thì làm sao? Hễ có vọng tưởng sẽ quên mất mình đã lễ bao nhiêu lạy. Vì thế, lúc ấy chẳng thể khởi vọng tưởng, lễ được bao nhiêu bèn ghi nhớ rất rõ ràng. Lễ ba trăm lạy rõ ràng. Hễ khởi vọng tưởng là nhầm lẫn liền. Hễ nhầm lẫn thì sao? Nhầm lẫn thì lạy trở lại từ đầu. Vì thế, tinh thần, ý chí nhất định phải tập trung. Tự mình phải tìm ra cách đối trị phiền não tập khí của chính mình; phiền não tập khí nghiêm trọng nhất là vọng niệm. Phải làm thế nào để ngưng dứt vọng niệm? Thấu triệt, liễu giải Lý là tốt nhất, quý vị đã ở một mức độ sâu rồi. Chẳng liễu giải Lý cũng không sao, trước hết phải chế ngự được vọng niệm, đối với người mới học điều này quan trọng hơn hết. Sau này công phu đặc lực, bất luận tụng kinh hay là nghe giảng, trong nhà Phật gọi là “*thính giáo, đọc kinh*”; đọc kinh hay nghe giảng đều có chỗ ngộ, đều nhờ vào tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì một tí biện pháp gì cũng không có.

Tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh là phân biệt, chấp trước ít; càng ít càng hay. Lại còn một việc các đồng học chúng ta phải nên nhớ kỹ: Sự chẳng liên quan đến mình đừng tìm hỏi, trong cả đời tôi [thái độ này] rất đặc lực. Tôi tuyệt đối không nghe chuyện họ Trương giỏi, họ Lý dở, tôi không chịu nổi, từ nhỏ tôi đã tập quen như vậy, không có cái thói quen ấy. Tôi tuyệt đối chẳng hỏi tới chuyện của người khác! Người khác có đem những chuyện thị phi như “họ Trương giỏi, họ Lý tệ hại” đến kể với tôi, tôi cũng không nghe; nhiều lắm là nói lấy lệ mấy câu, tuyệt đối chẳng lưu tâm. Đương

---

<sup>2</sup> Nguyên văn “*khuyên dũ điểm*” (khuyên và chấm): Khuyên là vẽ một cái vòng tròn, Điểm là chấm một cái bên cạnh. Người Hoa thường hay dùng son (hoặc mực đỏ) vẽ vòng tròn bao lấy một đoạn hay chấm son bên một số chữ để đánh dấu câu trọng yếu cũng như ta nay dùng bút màu tô đậm câu quan trọng khi đọc sách giáo khoa hay văn bản.

nhiên càng chẳng thể kể lại. Đó là thói quen được huân dưỡng từ nhỏ, đối với việc học Phật sau này thực sự rất hữu ích, tâm dễ chuyên chú. Đây cũng thực sự là một nhân tố khiến cho sức lý giải được sâu hơn một chút.

Lại xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yêu Giải]: “*Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Tâm tánh tịch nhưng thường chiếu, nên là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể của tâm tánh là vô lượng, nên phóng ra vô lượng quang minh, có đủ công năng nhiếp thọ, gia bị, có đức tánh trừ chướng, khai trí huệ). Câu này giảng về vô lượng quang. Quang từ đâu mà có? Tâm tánh vốn sẵn có quang minh: Bát Nhã quang minh, trí huệ quang minh, vốn sẵn có! Vốn sẵn có, nhưng sao nay chúng ta không có, trí huệ lẫn quang minh đều không có, quang gì cũng đều không có? Vì sao không có quang? Vì chúng ta mê mất tâm tánh. Vì sao mê? Tâm ta động. Quý vị phải biết: Tâm vốn chẳng động, làm sao động được! Nếu cái tâm thực sự động thì tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải chân tâm. Thưa cùng quý vị: Chân tâm vĩnh viễn bất động. Xác thực vì chúng ta mê mất chân tâm, chẳng biết chính mình có chân tâm nên bèn tưởng cái gì là chân tâm? Tưởng ý niệm là chân tâm, tưởng “tâm ta có thể suy nghĩ, ta có thể phân biệt là chân tâm”. [Thật ra], đó là Duyên Lự Tâm, tức là gì? Trong Phật pháp, [Duyên Lự Tâm] được gọi là Thức.

Quý vị thấy chỉ do Thức biến, Thức tâm (vọng tâm) đầu thai trong luân hồi lục đạo. Ai đi đầu thai? Thức tâm. Trong Phật pháp thường nói: “*Tiên lai hậu khứ, tác chúa công*” (Đến trước, đi sau, làm chúa tể). Thức thứ tám là A Lại Da Thức đến đầu thai, nó đến trước hết. Khi con người chết đi, A Lại Da Thức rời đi sau cùng. Vì thế nói “đến trước hết”, nhưng ra đi sau cùng hết, “đến trước, đi sau, làm ông chủ”. Nó chính là nguyên tố chủ yếu của luân hồi lục đạo. Nó là vọng tâm, không phải chân tâm. Coi vọng tâm là chân tâm thì hỏng rồi! Vọng tâm không có trí huệ, chân tâm có trí huệ; nhưng chân tâm và vọng tâm vĩnh viễn ở chung một chỗ, chẳng thể tách lia, chân và vọng hòa hợp. Ở nơi đâu? Ở ngay trong thân thể chúng ta. Kinh Lăng Nghiêm lấy thí dụ con mắt: Con mắt nhìn lần thứ nhất, cái thấy đầu tiên là chân tâm, ý niệm thứ hai tiếp theo ngay sau đó là vọng tâm. Bây giờ đã hết giờ rồi, trong tiết sau chúng tôi sẽ dựa theo tình hình chung mà báo cáo đơn giản cùng quý vị.

\*

Chư vị đồng học!

Phần trước nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm “tịch nhưng thường chiếu” là quang minh, “chiếu nhưng thường tịch” là vô lượng thọ. Thế nhưng chúng ta chẳng thọ dụng được vì chúng ta toàn dùng vọng tâm. Vấn đề này rất nghiêm trọng. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã cùng A Nan luận về chân tâm và vọng tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tánh Thấy làm thí dụ. Điều này chúng ta phải chú tâm một chút mới hòng thấu hiểu được. Chúng ta mở mắt ra bèn thấy, cái thấy đầu tiên khi mở mắt ra, lúc đó không phân biệt cũng như không có chấp trước, đó là “tâm tánh thấy”, đó là chân. Đó là cái thấy bởi tâm tánh. Đến niệm thứ hai bèn khởi phân biệt, bèn khởi chấp trước, lập tức biến thành “thức thấy”.

Quý vị phải hiểu Thức có phân biệt, chấp trước; Tánh không có. Tánh có thể hiện, còn Thức có thể biến. Chư Phật, Bồ Tát dùng tánh Thấy để nhìn, bởi vậy các Ngài thấy được Nhất Chân pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới dùng năm mươi một Tâm Sở trong tám Thức để thấy, cho nên những gì họ thấy đều biến thành chín pháp giới. Chín pháp giới do đâu mà có? Đều là từ mức độ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sai khác mà có; phải hiểu điều này! Mê càng sâu thì trong chín pháp giới càng xuống thấp hơn, đọa lạc càng thấp hơn; mê cạn thì lên cao hơn. Nếu chuyển được tám Thức thành bốn Trí sẽ vượt khỏi mười pháp giới, chẳng còn thuộc trong mười pháp giới nữa, nhà Phật gọi [những người ấy] là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát đã chuyển tám Thức thành bốn Trí, các Ngài chẳng dùng Thức, đã kiến tánh rồi.

Bởi thế, ở con mắt thì Chân Tánh hay Chân Như bản tánh hoặc Chân Tâm được gọi là tánh Thấy, tại tai gọi là tánh Nghe, tại mũi gọi là tánh Ngửi, tại lưỡi gọi là tánh Nếm. Nếu nói gộp lại, nói đơn giản hơn một chút thì là “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay, biết). Kiến là mắt thấy, Văn là tai nghe, nơi mũi, lưỡi, thân cảm nhận là Giác, nơi ý là Tri. Vì thế, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu Căn. Căn tánh vốn sẵn đủ năng lượng đó, nhưng trong ấy nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, nó là chân, chẳng phải giả. Đó là chân tâm, là bản tánh, trong kinh Phật gọi nó là “tâm tánh”. Nó “*tịch nhưng thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*”, ở ngay trên thân chúng ta, chứ không phải ở ngoài. Vì thế đức Phật nói: “*Nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*” (hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật), câu này là thật, chứ không phải giả. Xác thực là vốn sẵn thành Phật, chỉ cốt sao sáu Căn kiến văn giác tri tiếp xúc với cảnh giới sáu Trần bèn lia được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Quý vị phải biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là vọng tâm. Vọng tưởng là thức A Lại Da thứ tám, phân biệt là Ý thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Trong tám thức, thực sự khởi tác dụng là ba thức này; năm thứ đầu chỉ nghe theo lệnh mà làm, chẳng làm chủ được, kẻ làm chủ chính là ba thức này. Chẳng dùng đến ba thức này thì chẳng phải là chuyển Thức thành Trí hay sao? Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quý vị có chuyển được hay chẳng? Không được! Thật đấy! Mắt thấy sắc, lập tức khởi phân biệt, vọng tưởng. Khởi phân biệt, vọng tưởng là rớt vào hai, rớt vào ba, rớt vào Thức rồi. Hai là gì? Là Ý Căn (Mạt Na) và Ý Thức. Ba là Ý Thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức. Vừa động một niệm bèn lạc vào hai, vào ba! Rớt vào hai, ba bèn biến thành phàm phu; không rớt vào hai, ba bèn thành Phật hay Pháp Thân Bồ Tát. Phàm - thánh sai biệt là do đây!

Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thấy quý vị rất đáng tiếc, có sao quý vị lại khởi phân biệt, chấp trước? Nếu quý vị chẳng khởi phân biệt, chấp trước, có phải là đã thành Phật rồi ư? Có sao lại khởi? Vừa khởi lên như vậy thì sự tướng đã bị vụn vẹo hết, không thấy được chân tướng nữa! Nếu chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng, đó gọi là Nhất Chân pháp giới. Khởi lên ý niệm rồi bèn rớt vào hai, vào ba, rớt vào ý thức và ý căn; mọi tướng bên ngoài đều bị méo mó. Bởi vậy, đối với tướng trạng của cảnh giới, quý vị bèn ưa thích hoặc chán ghét, có cảnh mong lấy được, có cảnh muốn vứt bỏ, [những ý niệm ấy] đều là phân biệt, chấp

trước nghiêm trọng, là tạo nghiệp! Tạo nghiệp sẽ phải thọ báo; quý vị chẳng thấy được chân tướng sẽ chẳng có trí huệ.

Vì thế, Giao Quang đại sư chú giải kinh Lăng Nghiêm, chủ trương “bỏ Thức, dùng Căn”. “Xả Thức, dùng Căn” là gì? Dùng cái niệm thứ nhất, nhất quyết chẳng dùng cái niệm thứ hai. Có lý lắm, hay lắm, nhưng người bình thường làm không nổi. Đúng là làm như vậy không nổi; người làm được như vậy phải là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. [Làm được như vậy] không chỉ siêu việt luân hồi lục đạo mà còn siêu việt mười pháp giới. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, chẳng thể không hiểu. Làm không được thì là chuyện khác! Học dần dần để làm! Học như thế nào? Đối với cảnh giới bên ngoài, hãy nhạt lòng chút, đừng mong mỏi hết sức quá phận; chúng ta vẫn còn có phân biệt, nhưng phân biệt ít hơn một chút, chấp trước nhẹ đi một chút. Mỗi năm một ít dần, năm sau nhẹ hơn năm trước là có tiến bộ đấy!

Những người tầm thường chúng ta, những hạng người căn tánh trung hạ nên làm như vậy; đặc biệt hạng người căn tánh bậc trung, nếu có thể mài giũa như thế độ hai mươi, ba mươi năm, sẽ dần dần nhập được cảnh giới, trường thời huân tu mà! Thế nhưng quý vị phải thực sự huân tập, thực sự tu tập thì mới được! Thế nào là thực sự tu tập? Quý vị phải thực sự xem nhẹ [ngũ dục, lục trần] một chút, phải thực sự giảm bớt chấp trước một chút, đó là công phu thực sự! Phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, hiếu cường, hiếu thắng, vĩnh viễn là chướng ngại, không có chút biện pháp chi hết! Con người hiện tại tâm tự tôn rất mạnh, tâm ngã mạn rất cao, khó lắm, hết sức khó khăn! Thích Ca Thế Tôn lúc còn tại thế đã thị hiện cho chúng ta thấy Ngài nhẫn nhục như thế nào! Cả một đời Khổng lão phu tử thị hiện, đâu đâu cũng khiêm hư, nhún nhường, việc gì cũng chẳng dám vượt trước người khác, đều chịu lui một bước. Thánh nhân dạy người là do từ Tánh Đức lưu lộ.

Chúng sanh và Phật bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, có gì đáng để kiêu mạn đâu nhỉ? Chúng ta đọc đến phần năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất rõ năm mươi ba vị thiện tri thức là chư Phật Như Lai ứng hóa, thị hiện cho chúng ta thấy. Họ thị hiện những thân phận thuộc bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, ai nấy đều khiêm hư, chẳng ai nói: “Ta đúng, kẻ khác sai”. Không ai như vậy cả, tìm không ra một vị nào! Họ đều rất khiêm hư: “Vô lượng pháp môn, tôi chỉ biết một pháp này, đối với các pháp môn khác, người hãy đến thỉnh giáo nơi những vị thiện tri thức khác, họ đều cao hơn ta, đều vượt trội ta, ta chẳng bằng được họ”. Quý vị thấy đó: Mỗi một vị thiện tri thức đều khiêm hư như thế. Cổ nhân Trung Quốc dạy chúng ta: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn chuốc lấy tổn hại, khiêm nhường hưởng lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch, mỗi một quẻ đều có sáu hào xấu tốt khác nhau. Chỉ có mỗi một quẻ có cả sáu hào đều tốt, không có hào nào hung, trong sáu mươi bốn quẻ chỉ có mỗi một quẻ mà thôi, quẻ nào vậy? Quẻ Khiêm<sup>3</sup>, khiêm hư đại cát đại lợi, không lúc nào bất lợi cả.

Con người phải học khiêm hư, phải biết nhường nhịn. Quý vị nhường nhịn người khác, người khác nhường nhịn quý vị, nhường nhịn lẫn nhau, xã hội tự nhiên an định,

---

<sup>3</sup> Tức quẻ Địa Sơn Khiêm (mỗi Hào trong quẻ là một vạch liền hay đứt). Quẻ này gồm quẻ Khôn (ba vạch đứt, tức ba hào Âm) chồng lên quẻ Cấn (một hào Dương, hai hào Âm). Thoán Từ giảng: “*Khiêm, hanh quân tử hữu chung*”. Cụ Nguyễn Hiến Lê dịch: “*Nhún nhường: Hanh thông, người quân tử giữ được trọn vẹn tới cuối*”.

thế giới tự nhiên hòa bình. Trong hai người, có một kẻ tranh, có một người nhường, cục diện ấy sẽ hóa giải hòa bình. Hai người cùng tranh, không nhường nhau, phiền phức xảy ra liền, chiến tranh nổ ra liền. Kết cuộc của chiến tranh là gì? Hai bên cùng bại vong, thương tổn; đấy là chân lý! Vì sao hai bên cùng bại vong, thương tổn; chiến tranh có một bên thắng, một bên bại mà? Không sai! Nhìn bề ngoài thấy có kẻ thắng. Lúc quý vị thắng, quý vị giết bao nhiêu người? Hại bao nhiêu người? Những người ấy đều biến thành oán thân trái chủ của quý vị. Oán thân trái chủ sẽ làm gì? Họ đầu thai vào nhà quý vị, làm con, cháu, chắt, chít của quý vị, họ đến làm gì? Đến báo cừ, há chẳng phải là hai bên cùng bại, cùng thương tổn ư? Vì thế, quý vị phải thấy được nhân quả báo ứng thì quý vị mới biết. Chẳng những giết người, người sẽ báo cừ, mà giết súc sanh, súc sanh cũng báo cừ. Thậm chí ta phá chặt cây cối, hoa cỏ, những hoa cỏ cây cối có linh tánh ấy cũng báo thù, phiền phức lớn lắm. Con người hiện tại chẳng hiểu đạo lý này, phá hoại môi trường tự nhiên, phá hoại cân bằng sinh thái thì thiên nhiên phải báo thù bằng thiên tai, ôn dịch!

Vì thế, lúc chúng ta cần phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên, như chúng ta muốn cắt một thảo xá, phải chặt mấy cây gỗ để làm cột, làm kèo, thì đức Phật dạy chúng ta: Ba ngày trước khi chặt cây phải cúng bái, tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho nó. Ba ngày sau mới được chặt cây. Trên cây có thần cây, tinh thần cây dọn nhà, dọn qua chỗ khác, chẳng kết oán cừ. Người hiện tại có ai biết đến điều này? Như vậy, vì đâu mà thiên tai lại nhiều đến như thế? Vì chẳng hiểu rõ đạo lý, chẳng thể đối xử hòa bình. Lúc chúng ta thực sự có nhu cầu, đúng là họ có thể cúng dường, có thể phụng hiến, hai bên đều hoan hỷ, tốt hơn nhiều! Chẳng được cây thế hiệp người, cây thế hiệp người hậu quả chẳng thể tưởng tượng được đâu!

Cây cối hoa cỏ thực sự có linh tánh, sự cảm ứng ấy là thật, không giả một chút nào. Tôi nghe có vị đồng học đến kể với tôi trong nhà họ xảy ra chuyện. Thần gì vậy? Thần cỏ. Trong sân nhà ông ta có một khoảnh cỏ không được tưới nước đã lâu, cỏ khô rụi. Những hòn cỏ (thần hoa cỏ) có cách giao tiếp với quý vị, chúng tạo ra từ trường. Có một ngày nọ, ông ta trở về nhà, về đến nhà cảm thấy từ trường bất ổn, cảm thấy rất lạ lùng, trong tâm nghĩ có quỷ thần gì chẳng? Nếu thực sự có quỷ thần, mình làm sao đối thoại được? Ông ta đột nhiên nghĩ: “Buổi tối nhà thấp đèn điện, [quỷ thần] hãy làm cho đèn chớp lóa một cái”. Độ năm phút sau, ánh đèn điện quả nhiên chớp lóa một cái, ông ta sửng sò! Là thật, chứ không phải giả rồi! Đúng là có quỷ thần trong nhà. Ông ta nói: “Chúng ta đối thoại bằng cách nào đây? Tốt nhất là tối nay tôi ngủ, ngài báo mộng cho tôi hay vậy”.

Tối đó nằm ngủ, thực sự mộng thấy rất nhiều trẻ nhỏ cầu cứu, chúng nói: “Chúng tôi không phải là ai khác, mà là hoa cỏ trong sân nhà ông, chúng tôi sắp chết khô hết rồi, xin ông tưới nước cho! Đến cầu xin đây!” Sáng sớm hôm sau, ông ta ra vườn xem, quả nhiên đúng như vậy, đúng là đã lâu không tưới nước, cỏ úa vàng hết, vôi vàng tưới nước. Sự việc này phát sanh gần đây, mới năm ngoái thôi, chẳng lâu la gì. Tôi đến nhà ông ta xem thử; bởi lẽ, người săn sóc vườn tược là bố ông ta, ông cụ chỉ tưới hoa, tưới cây, không quan tâm đến đám cỏ nhỏ. Cỏ nhỏ đến cầu xin, thật chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thực vật còn có linh tánh, hưởng gì động vật, hưởng chi con người! Như vậy, dùng ác tâm, dùng ác niệm để đối đãi sẽ kết thành oán. Kết oán rồi, oan oan tương báo lúc nào xong, đời đời kiếp kiếp đau khổ!

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết chiến tranh là hai bên cùng bại, cùng tồn, tuyệt đối chẳng phải chỉ một bên thua thiệt. Nếu thực sự hiểu rõ, sẽ tuyệt đối chẳng phát sanh chiến tranh, chắc chắn sẽ tìm phương pháp hòa giải, quyết chẳng dùng đến thủ đoạn ấy. Sự việc này trong kinh đức Phật giảng rất rõ, rất thấu triệt, đáng tiếc con người hiện tại tin vào khoa học, coi mọi giáo huấn của bậc hiền thánh đều là mê tín. Tiếp theo [sách Yếu Giải có] một câu rất hay: “*Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thê*” (Nay chứng thấu triệt cái Thê vô lượng của tâm tánh). Chứng thấu triệt thì dùng phương pháp nào để chứng? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ chứng thấu triệt cái Thê vô lượng của tâm tánh. “*Cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Nên phóng vô lượng quang minh, có đủ công đức nhiếp thọ, gia bị, có đức năng trừ chướng khai huệ), mở mang trí huệ.

Tiếp đó là câu: “*Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thê, cố thọ mạng vô lượng*” (Tâm tánh chiếu nhưng thường tịch, nên là thọ mạng. Nay chứng thấu triệt cái Thê vô lượng của tâm tánh, nên thọ mạng vô lượng). Quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, quang minh là trí huệ, trí huệ vô lượng, thọ mạng vô lượng. “*Thị vô Phật tiền Phật hậu nạn chi công*” (Là công năng diệt trừ cái nạn [sanh ra] trước Phật hay sau Phật). Nay chúng ta gặp gỡ, chúng ta sanh trong thế gian này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, tức là “*sau Phật*”. Phật Di Lặc chưa xuất hiện, tức là chúng ta sanh trước thời Phật Di Lặc, sau thời Phật Thích Ca, “*trước Phật, sau Phật*” [là như vậy]. Nhưng cũng còn may, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa diệt, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, nay chúng ta gọi là “*sức ảnh hưởng*”. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế giáo hóa, phạm vi ảnh hưởng của Ngài lớn đến đâu? Thời gian ảnh hưởng dài đến đâu? Phạm vi ảnh hưởng là trọn khắp thế giới này, thời gian ảnh hưởng là một vạn hai ngàn năm.

[Nói đến] thời gian là nói đến thọ mạng, nói không gian là nói đến quang minh. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn còn chín ngàn năm nữa. Vì vậy, coi như chúng ta vẫn còn may mắn, còn có thể đọc những kinh điển được lưu lại, [những kinh điển ấy] quý báu hơn bất cứ gì khác, chính tự mình phải hiểu, phải tiếc nuối, phải thành tựu ngay trong một đời này. Thành tựu là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, phải thấy thấu suốt thế gian này: Thế gian này chẳng đáng để lưu luyến, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phải hiểu rõ điều này. Hễ còn lưu luyến thế gian này tí ti nào, sẽ chướng ngại sự vãng sanh. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh thì nói thật ra sẽ phải luân hồi trong lục đạo không biết bao nhiêu kiếp. Cơ hội được làm thân người, được gặp Phật pháp nói trắng ra không nhiều đâu! Chỉ khi nào quý vị hiểu rõ, minh bạch thì mới có thể chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật. Tiếp theo đây là đoạn kinh văn giảng tiếp về thọ mạng. Chúng ta hãy đọc một lượt.

***Hưu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.***

**又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。**

*(Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).*

Ý nghĩa của vô lượng quang, vô lượng thọ chúng tôi đều đã giảng trong phần trên; đoạn kinh văn này nói rõ thêm. Ở đây có một từ ngữ đáng lưu ý là “A-tăng-kỳ kiếp”, A-tăng-kỳ kiếp nghĩa là gì? Chúng tôi cũng nói đại lược: “A-tăng-kỳ, vô lượng, vô biên đều là những con số để tính toán”. Chúng là những đơn vị số lượng của Ấn Độ thời cổ; giống như ở Trung Hoa có đơn vị, có mười, có trăm, có ngàn, có vạn, có ức, có triệu. Ở Trung Quốc, những danh từ như vậy đều là danh từ đơn vị số lượng. Ấn Độ cũng vậy, Ấn Độ gọi nào là A-tăng-kỳ, vô lượng, và vô biên.

Trong đoạn kinh văn giảng về Căn Tự Tại Chủ đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm cho biết Ấn Độ thời cổ có một trăm bốn mươi bốn danh từ để chỉ đơn vị số lượng, như A-tăng-kỳ chẳng hạn, nhiều hơn Trung Quốc nhiều lắm. Tên gọi số lượng trong tiếng Hán dường như chỉ có chừng hai mươi mấy loại. Ấn Độ có nhiều hơn, tính toán nhiều hơn, họ có một trăm bốn mươi bốn loại. Nếu tính cả “cơ số” (cơ số là một, hai, ba, bốn, năm, sáu... tức là những con số cơ bản) thì tổng cộng có đến một trăm năm mươi sáu thứ. Chúng ta gọi đơn vị, chục, trăm, ngàn, vạn là “cơ số”. [Ở Ấn Độ] nhiều đến một trăm năm mươi sáu thứ lận! [Sách Yếu Giải giảng] A-tăng-kỳ, Vô Lượng, Vô Biên “*thị mạt hậu thập đại số chi danh*” (là tên gọi của mười con số lớn cuối cùng), toàn là nhân gấp bội lên. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Điều này “*hiển thị Báo Thân trường cửu*”, thọ mạng dài lâu!

Ở đây nói là “vô lượng thọ”, một Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ. Đừng nói chi nhiều, cứ tính là một Vô Lượng thôi, trong kinh Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy Bồ Tát tu hành thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta gọi là “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”. Nếu nói thọ mạng của vị ấy là một Vô Lượng thì đã thọ A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ kiếp thấm vào đâu! Chắc chắn thành Phật, một đời thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Huống chi “vô lượng thọ” ở đây chẳng phải chỉ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, [cứ tính mãi như thế] khỏi cần phải nói nữa!

Quý vị cứ nghĩ đơn giản như thế này: Chúng ta hãy nghĩ đến hai điều;

a) Thứ nhất, thọ mạng của đức Phật trường cửu. Chúng ta theo Phật nhất định thành Phật, bởi lẽ, thời gian cần thiết để thành Phật không quá ba A-tăng-kỳ kiếp, mà thọ mạng của Phật là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ dễ dàng quá! Giống như con người sống được một trăm tuổi, nay học công khóa này phải mất bao nhiêu thời gian? Ba ngày thôi. Thọ mạng một trăm năm thì ba ngày thấm vào đâu! Đây là một tin vui!

b) Thứ hai, đức Phật trụ thế lâu dài, thời gian giáo hóa chúng sanh dài lâu, vì thế “*hữu cửu độ bất tức chi công*” (có công năng hóa độ lâu dài chẳng ngưng dứt), hy hữu khó gặp! Chúng ta phải tiếc quý nhân duyên này! Đọc khắp Đại Tạng Kinh, trong hết thấy các cõi Phật khác chẳng có sự kiện này. Bởi thế, mười phương chư Phật thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho đại chúng pháp môn này đều liền đến chứng minh.

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, tổ sư đại đức thuộc bất luận tông phái nào, không vị nào chẳng khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị mới hiểu pháp

môn này chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng riêng gì Giáo Hạ! Quý vị thầy tông Hoa Nghiêm thuộc Giáo Hạ đó, chẳng phải họ đã nói “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” đó ư? Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai vãng sanh thuộc Ngũ Phẩm Vị. Lão nhân gia làm đầu tàu nên các tổ sư tông Thiên Thai, lịch đại tổ sư lâm chung đều niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Cận đại, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Đệ Nhàn là những vị thuộc [tông Thiên Thai] thời cận đại đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lão hòa thượng Hư Vân bên Thiên tông, những lời giảng cuối cùng năm Ngài một trăm mười bảy tuổi, được ghi trong cuốn Phương Tiện Khai Thị Lục, quý vị hãy đọc cuốn sách ấy. Năm một trăm mười bảy tuổi, đại sư giảng khai thị ở rất nhiều nơi, tám mươi phần trăm là khuyên người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tỷ lệ [khai thị] nói đến tham Thiền rất ít. Đối với Mật Tông thì ngay nơi vách studio phát hình của chúng ta có thờ một bức tượng A Di Đà Phật của Tây Tạng. Mật Tông cũng tu pháp môn này, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đúng là như lão pháp sư Ấn Quang đã nói: “*Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy*” (Ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ về). Chúng ta phải giác ngộ: Pháp môn nào khác có sự thù thắng như vậy hay chẳng? Hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều tới khuyên thỉnh, chưa từng thấy! Mấy vị Phật khuyên thì có, chứ cả mười phương ba đời chư Phật cùng đến khuyên dạy thì chưa từng nghe thấy [trong các kinh khác]. Quý vị phải thực sự hiểu rõ, phải thực sự minh bạch thì quý vị mới quý tiếc phi thường nhân duyên hết sức khó gặp này!

Pháp sư Ấn Quang dạy chúng ta một phương pháp tu hành đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Tức là đạo tràng nhỏ, đồng tu không quá hai mươi người, công khóa mỗi ngày giống như đả Phật thất, Phật thất suốt năm. Phương pháp này của lão nhân gia chính là phương pháp của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Coi trong Tây Phương Xác Chỉ, chúng ta thấy số người học với Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát còn ít hơn nữa, chỉ có mười hai người thôi, ai nấy đều thành tựu. Viễn công đại sư ở Lô Sơn, Trung Quốc, là vị tổ sư đời thứ nhất của Tịnh tông chúng ta, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, chí đồng đạo hợp một trăm hai mươi ba người cùng tu một chỗ, đó là đại sự nhân duyên. Nay vì sao Ấn Quang pháp sư chẳng khuyên chúng ta cùng tu một trăm hai mươi ba người? Vì sao biến thành hai mươi người mà thôi? Thời đại không giống nhau. Trong thời cổ thì được, không có vấn đề gì. Nay vì sao lại dạy chúng ta cùng tu ít thế?

Thời đại hiện tại là thời đại theo hướng công nghiệp, thời đại khoa học kỹ thuật, đại chúng trong xã hội tin vào khoa học, chẳng tin tôn giáo, cho tôn giáo là mê tín. Nói cách khác, người cúng dường ít ỏi, nếu đông người phải tiêu xài nhiều, tình thế bắt buộc phải lo toan. Phải bận tâm vì hoàn cảnh sinh hoạt vật chất, tâm chúng ta không còn thanh tịnh nữa, khiến cho sự việc vãng sanh bị lỡ làng, rất đáng tiếc! Đạo tràng ít người thì vẫn còn một số người tin tưởng phát tâm cúng dường, Ấn Quang đại sư chú ý đến điều này. Vì vậy, người ít, tiêu xài ít, đạo tràng dễ duy trì, tâm định, lẽ đâu chẳng thành tựu? Ấn Tổ (tổ Ấn Quang) đặc biệt dạy không được hóa duyên, không quyên mộ, không cầu tín đồ bố thí cúng dường, họ tự động đem đến thì mình được phép tiếp nhận, chúng ta không đi xin. Người đến không cầu thì phẩm cách tự nhiên cao hơn, sống tiết kiệm một chút, chịu khổ một chút là được! Các đồng tu cùng tu Tịnh Độ trong thời đại này ở mọi nơi hãy nghĩ xem: Nếu chúng ta chú tâm suy nghĩ lời dạy của tổ Ấn Quang, quan sát tình huống xã hội hiện thời, mới thấy lão nhân gia dạy thật tuyệt vời làm sao!

Nơi đây, chúng tôi thường bảo các vị đồng tu: “Chúng ta tin vào nhân quả, nói theo nhân quả thì chúng ta phải tu phước. Chẳng tu phước làm sao có phước báo cho được? Phải biết tiết kiệm, bố thí, cúng dường chính là tu phước. Dụng công tu hành trong đạo tràng nhỏ của mình, thường chẳng ra khỏi cửa, không ra khỏi cửa có tu phước được không? Được chứ! Mỗi ngày chúng ta tu hành, niệm Phật, nghiên cứu kinh giáo, lễ Phật bằng cái tâm kiên thành, đem những công đức ấy hồi hướng cho hết thầy chúng sanh, hồi hướng cho xã hội đại chúng, đầy đều là tu phước. Nơi nào trong xã hội này mà chúng ta có thể phục vụ đại chúng được, chúng ta có năng lực làm được mà chẳng trở ngại đạo tâm của chính mình thì ta có thể vì xã hội đại chúng phục vụ, những chuyện như vậy đều thuộc về phước huệ song tu. Nhất là khi tiếp xúc đại chúng, đó là cơ hội giáo dục.

Hiện thời, đạo tràng chúng ta mỗi tuần, vào thứ Bảy có bữa cơm tối đầm ấm, thứ Sáu là giảng tòa đa nguyên văn hóa, rất nhiều bằng hữu tại địa phương đến tham gia, đó là chúng ta bố thí. Giảng tòa đa nguyên văn hóa là Pháp Bố Thí, trong Pháp Bố Thí có Tài và Vô Úy. Bữa cơm tối đầm ấm là Tài Bố Thí, trong Tài Bố Thí có Pháp và cũng có Vô Úy Thí. Hơn nữa, ở địa phương này, phạm những sự việc hòng thực sự đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc tộc, an định xã hội, cầu nguyện thế giới hòa bình, đối với những việc như vậy, chúng ta đều dành một chút thời gian đến tham dự. Quý vị nghĩ xem: Những việc đó bao gồm cả ba thứ bố thí Tài, Pháp và Vô Úy. Chúng ta thực sự làm được cho nên có quả báo, mới có một chút phước báo hiện tiền, đạo tràng của chúng ta mới có thể duy trì được. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự mà có thể sanh tồn thì đạo lý là đây: Thấu triệt, liễu giải nhân quả.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]: “*Chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập phương, kiến Di Đà, tức kiến thập phương chư Phật, năng tự độ, tức năng phổ lợi nhất thiết*” (Chúng sanh sanh về Cực Lạc chính là sanh về mười phương, thấy Di Đà chính là thấy mười phương chư Phật, có thể tự độ chính là có thể lợi khắp hết thầy chúng sanh). Đoạn này hết sức quan trọng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh về hết thầy thế giới của chư Phật. Vì sao? Chúng ta chỉ cần đọc kinh Vô Lượng Thọ là thấy ngay: Hết thầy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, đều cung kính A Di Đà Phật, khẳng định A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các Phật). Người ở thế giới Cực Lạc thời thời khắc khắc đến mười phương thế giới lễ Phật, nay chúng ta gọi là “*đi phỏng vấn, đi thỉnh giáo*”. Hết thầy chư Phật hoan nghênh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông tự tại, đến đi tùy ý.

Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta toàn là [sự tương trong] Phàm Thánh Đồng Cư Độ, nếu là Thật Báo Trang Nghiêm độ thì chính là như kinh nói: “*Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh*”, [khi đó] quý vị ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Quá khứ Phật cũng hiện tiền, vị lai Phật cũng hiện tiền [bởi vì] thời gian và không gian chẳng còn nữa! Đó là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thấy Phật Di Đà là thấy mười phương chư Phật, tự độ được mình là độ khắp hết thầy chúng sanh. Đoạn kinh văn tiếp theo là:

***Xả Lợi Phật! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.***

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

(*Này Xá Lợi Phát! A Di Đà thành Phật đến nay là mười kiếp*).

Kinh dạy: “*Thành Phật đến nay đã là mười kiếp*”. Hãy nhớ kỹ trong phần trên tôi đã nói, thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng thọ, Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ kiếp số. Thật ra là vô lượng vô biên, nay hiện tại Ngài mới thành Phật mười kiếp; nói cách khác, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khai trương được mấy ngày! “*Hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương*” (Hiện đang còn thuyết pháp, tức là thời kỳ Chánh Pháp còn chưa hết), vừa mới mở đầu thôi! “*Phổ khuyến nhất thiết chúng sanh, tốc cầu vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện*” (khuyên khắp hết tất cả chúng sanh hãy mau cầu vãng sanh để có cùng thọ mạng như Phật, hoàn thành đạo nghiệp trong một đời). Như vậy, chúng ta đã biết chân tướng sự thật này, nay hãy nhất tâm nhất ý cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai trở thành bậc nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới ấy mới thành lập được mười kiếp, chúng ta đã đến đó; thế giới ấy tồn tại vô lượng kiếp, quý vị đến thế giới ấy lúc nó mới tồn tại mười kiếp thì phải thuộc vào tầng lớp nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Ngàn vạn phần chớ coi thường, đừng nghĩ một đời này mình không vãng sanh cũng không quan hệ gì, ta đã kết duyên cùng A Di Đà Phật, đời mai sau, khi duyên chín muồi, ta sẽ lại sanh về Cực Lạc. Cái đời mai sau ấy chẳng thể nói nhất định là bao nhiêu kiếp, pháp môn này chẳng thể thường được gặp gỡ đâu nhé! Thân người chẳng thể thường có, được làm thân người khó lắm! Bởi vậy, hiện thời chúng ta phải tự suy nghĩ cặn kẽ, mai sau ta có còn được làm thân người hay chẳng? Hãy nghĩ đến điều đó trước tiên, đừng nghĩ chi khác! Nếu đời sau chẳng được làm thân người là xong, đến kiếp nào mới lại được làm thân người khó nói lắm!

Muốn được làm thân người thì phải tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo. Phải tu Ngũ Giới và trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo mới được làm thân người. Chúng ta phải suy nghĩ: Tính điểm Ngũ Giới và Thập Thiện nếu chẳng đủ điểm đậu, sẽ chẳng được làm thân người! Lúc không đạt được thân người là phải đọa tam đồ. Thời gian trong tam đồ dài lâu, [thời gian chịu khổ trong] A Tỳ địa ngục là vô lượng kiếp, không xong rồi! Hết sức đáng sợ! Gặp được pháp môn này lần nữa, có thể nói thật là càng diệu vợi hơn nữa, đúng là thành ra vô lượng kiếp sau quý vị mới có thể vãng sanh. Nay vãng sanh mới là mười kiếp, không gì tốt hơn, vẫn phải khéo tranh thủ ngay trong hiện tại, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật! Nay đã hết giờ rồi!

## **Tập 20**

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn cuối cùng của phần Chánh Báo Trang Nghiêm, đoạn kinh văn ấy như sau:

*Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật, thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp.*

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

*(Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật thành Phật đến nay là mười kiếp).*

Hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị: Trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng vô lượng kiếp. Đức Thế Tôn giải thích danh hiệu A Di Đà Phật bằng cách quy nạp giản lược: Một là vô lượng quang, hai là vô lượng thọ. Quang chẳng những biểu thị trí huệ, mà còn biểu thị không gian. Thọ mạng còn biểu thị thời gian. Nói theo cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta là “thời gian và không gian vô lượng”, đó là phương tiện thuyết pháp thiện xảo của đức Thế Tôn. Chúng ta biết đức Thế Tôn thuyết pháp dựa trên Nhị Đế, ở đây là nói theo Tục Đế, chúng ta vừa nghe là hiểu, liền sanh khởi tâm ngưỡng mộ.

Đem mười kiếp so với vô lượng kiếp thì thời gian rất ngắn. Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn dạy chúng ta: Phàm phu tu hành chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề phải cần đến thời gian vô lượng kiếp, chẳng dễ dàng gì! Chứng đắc bậc Sơ Trụ trong Viên Giác liền thành Pháp Thân Bồ Tát; Pháp Thân Bồ Tát tu cho đến khi viên mãn rốt ráo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đúng là chẳng dễ dàng. Thế nhưng lời Phật nói ấy chẳng thể nói là giả, mà cũng chẳng thể cho là thật, tức là sao? Chúng ta phải biết nghe. Nếu không thể buông tập khí phiền não xuống thì đúng là vô lượng kiếp, còn nếu thực sự có thể buông tập khí phiền não xuống được thì phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm.

Vô lượng kiếp có thể rút thành một niệm, một niệm có thể mở rộng ra thành vô lượng kiếp. Mở bằng cách nào? Rút bằng cách nào? Ở đây tợ hồ chúng ta hiểu một chút diện mạo [của vấn đề]: Mở rộng hay rút ngắn là do chính bản thân mình, chứ không phải ai khác, cũng chẳng tại ngoại cảnh. Nói như chém đinh chặt sắt: “Hễ buông xuống được thì vô lượng kiếp biến thành một niệm; nếu trong bụng vẫn còn chút gì vướng mắc không buông xuống được thì một niệm biến thành vô lượng kiếp!” Đó là chân tướng sự thật! Đây chính là cái được các kinh Đại Thừa gọi là “nhất thời đốn hiện”, quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa này. Nhất thời đốn hiện là một niệm ngay lập tức hiện thành vô lượng kiếp, một niệm hiện ngay thành pháp giới, hư không giới, hết thủy côi nước, chúng sanh. Một niệm mê bèn đốn hiện, một niệm giác bèn hồi đầu, vô lượng kiếp biến thành một niệm.

Vĩnh Gia đại sư nói rất khéo: “Giác hậu không không vô đại thiên” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Giác rồi thì đại thiên thế giới không còn nữa, mất tiêu hết, Hữu trở về Vô; một niệm mê, Vô biến thành Hữu, mở ra Hữu. Toàn là trong một niệm giác hay mê! Nếu chúng ta hỏi: Chư Bồ Tát (ở đây là đại Bồ Tát), chư Phật ứng hóa trong chín pháp giới, họ là giác hay vẫn mê? Nếu họ giác sao chẳng thể hiện cảnh giới ấy: “Giác hậu không không vô đại thiên?” Nếu họ hiện cảnh giới ấy, họ khác gì phàm phu chúng ta đâu, mê mà! Như vậy, rốt cuộc các Ngài giác hay vẫn còn mê? Nên câu hỏi như vậy rất hay! Trong cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát giác và mê không hai. Nếu quý vị nói các Ngài mê thì đó là các Ngài thị hiện trong pháp giới chúng sanh, nhưng chưa hề khởi tâm động niệm, chưa hề có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên các Ngài là giác. Dầu giác, nhưng nếu chúng sanh có Cảm, các Ngài bèn hiện tướng. Các Ngài vừa biểu diễn, vừa có thể vì hết thủy chúng sanh thuyết pháp, làm ra vẻ như các Ngài ở trong mê, chẳng khác gì phàm phu chúng ta!

Các Ngài là mê - giác bất nhị, còn phàm phu chúng ta bị thiệt thòi chỗ nào? Giác là không mê, mê là không giác; giác và mê đối lập. Phật, Bồ Tát không đối lập, giác

và mê thông nhất. Giác chính là mê, mê chính là giác. Quý vị thấy trong kinh chẳng thường nói “*phiền não tức Bồ Đề, Bồ Đề tức phiền não, sanh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sanh tử*” đó sao? Mọi người thường niệm Tâm Kinh, nhưng nói trắng ra, ai nấy đều vô tâm lơ đãng; Tâm Kinh giảng rất rõ: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Nếu gộp giác và mê lại thì giác chính là mê, mê chính là giác, giác chẳng khác mê, mê không khác giác.

Đây là Chánh Giác thuộc quả địa Như Lai, đây mới là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nó có Thể, có Dụng; chứ không phải là có Thể mà chẳng có Dụng. Ứng hóa trong mười pháp giới là từ Thể khởi Dụng; dù khởi Dụng, Dụng cũng chẳng mê. Vì thế, có thể độ chúng sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này phải giác ngộ, phải nên phát tâm. Giác ngộ như thế nào? Giác ngộ là thực sự phát tâm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thực sự giác. Cuối cùng có mấy câu, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Đây là kinh văn:

***Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.***

又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩眾。亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

*(Lại này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là A La Hán, chẳng thể tính toán để biết được nổi. Các vị Bồ Tát cũng giống như thế. Nay Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế).*

Đoạn này nói về sự thành tựu của A Di Đà Phật trong việc dạy dỗ, thầy dạy học trò, trò có thành tựu hay không? Học trò có thành tựu là quý vị đã dạy thành công. Nếu quý vị dạy hay đến đâu, thời gian dạy dài đến đâu mà học trò không có thành tựu thì việc dạy học của quý vị đã thất bại rồi. Dựa vào đó để luận thành bại. Bởi vậy, cũng dùng tiêu chuẩn đó để luận định một đạo tràng là thù thắng hay kém cõi. Đạo tràng này của quý vị thù thắng thì thù thắng ở chỗ nào? Trong đạo tràng ấy, thực sự có người niệm Phật vãng sanh, có người khai ngộ, có người chứng quả thì đạo tràng ấy thù thắng! Chứ chẳng quý ở chỗ đạo tràng có đông người. Đạo tràng của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát chỉ có mười hai người mà thù thắng bậc nhất. Vì sao thù thắng bậc nhất? Vì cả mười hai người ấy đều vãng sanh. Đạo tràng ấy suốt đời niệm Phật, không một ai chẳng thể vãng sanh, chỉ kết pháp duyên cùng A Di Đà Phật thì không thể coi là thành tựu được!

Những giảng sư nêu gương giảng kinh, hoằng pháp, trong số ấy có mấy ai khai ngộ? Có người khai ngộ là vị giảng sư ấy có thành tựu. Nếu không ai khai ngộ thì chẳng có thành tựu chi hết! Chúng ta phải biết tiêu chuẩn là gì: Trong Niệm Phật Đường có bao nhiêu người đắc Nhất Tâm? Bao nhiêu người công phu thành phiến? Công phu thành phiến là thành tựu! Nếu chúng ta hỏi Tham Thiên vì sao chẳng thể minh tâm kiến tánh? Niệm Phật vì sao công phu chẳng thể thành phiến? Học Giáo vì sao chẳng thể đại khai viên giải? Cái gốc bệnh là ba chữ này: “*Không buông xuống!*”

Bởi vậy, chúng ta phải thường tự phản tỉnh: Mình đã buông xuống được những gì? Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, không buông xuống được chi hết! Tôi thường khuyên dạy các vị đồng tu: “Mười sáu chữ ấy không buông xuống được thì làm sao thành tựu cho được!” Đó là gốc bệnh, là chướng ngại căn bản của chúng ta. Nếu chúng ta có năng lực hiểu thấu suốt, thường xuyên nhận biết thì dù chẳng dễ buông xuống, nhưng nhất định phải buông xuống. Tôi cũng thường nói: “Việc này phải mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi tháng một mỏng nhẹ dần”, rất quan trọng đấy nhé! “Mỏng nhẹ dần” chính là buông xuống dần dần. Buông xuống ngay lập tức là chuyện không thể nào làm được, quý vị không phải là căn tánh ấy cho nên học những điều ấy chưa được! Dần dần buông xuống, sao cho nhạt bớt một chút, đừng khát khe quá mức, chớ nên phân biệt quá mức, đừng chấp trước quá mức. Thường học hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, như vậy là tốt, đừng chấp chặt thành kiến của chính mình, chấp trước là điều tệ hại nhất!

Quý vị thấy tiên sinh Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, chúng ta đã xem hình chụp các kết tinh đó, nhận thấy điều gì? Tùy theo thái độ của con người: Một đằng là theo cách ra lệnh, một đằng là dùng phương cách thỉnh cầu thì nước kết tinh khác nhau. Hãy nêu một thí nghiệm của ông ta: “Mày làm đi!” đó là câu mệnh lệnh. Câu khác là: “Này! Chúng ta hãy cùng nhau làm!” Cùng là một việc, nhưng tâm tư thái độ khác nhau, nước kết tinh hoàn toàn khác nhau. Nói “chúng ta cùng nhau làm” thì nước kết tinh đẹp hơn rất nhiều. Nếu quý vị hạ mệnh lệnh: “Mày làm đi!” nước sẽ kết tinh không dễ coi cho lắm. Đó là phản ứng tự nhiên. Bởi thế, những đại nhân vật đối với thuộc hạ chẳng dùng mệnh lệnh, ngôn từ uyên chuyên, nhu hòa, giáo huấn thuộc hạ, khiến cho họ cả đời cảm kích quý vị thì quý vị thành công. Nếu quý vị dùng mệnh lệnh, đương nhiên họ chẳng thể không phục tùng, vẫn làm, nhưng tâm họ không hề cảm kích, hiệu quả khác hẳn.

Lúc chúng tôi còn trẻ, khoảng đâu hai mươi hai tuổi, có một ngày đang ở sở, công việc ít, làm xong việc rồi, ngồi xem sách. Lúc đó tôi ngồi hay ngã người ra sau, hai chân trước cái ghế giờ hồng khỏi mặt đất, tựa hồ chúng tôi đang nằm ngửa ra, rất thông dong. Ông xếp tôi (tôi không biết đến từ lúc nào), từ sau đi tới, vỗ vào tai tôi. Tôi thấy ông ta vội đứng lên, ông ta bảo tôi: “Không được ngồi như vậy, ngồi vậy dễ bị té chổng gọng lăm!” Ông ta luôn luôn nghĩ giùm tôi; bởi thế, tôi bỏ được cái tật đó, suốt đời không dám phạm nữa, rất cảm kích ông ta. Nếu trái lại, ông ta xạc cho tôi một trận, tôi vẫn phải phục tùng, nhưng sẽ như thế nào? Ông ta đi rồi, tôi lại chứng nào tật nấy, bắt phục mà! Vì thế, người làm được sự nghiệp lớn khác với người tầm thường. Quý vị thấy những cán bộ trung cấp thường thích ra lệnh cho thuộc cấp, sự nghiệp bọn họ hữu hạn; từ chỗ này quý vị thấy được ngay.

Trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Viên Liễu Phàm kể: Ông ta quan sát những học trò đi thi, những sĩ tử nào đi thi ngôn hạnh đoan trang, khiêm hư, hòa hoãn, tôn kính hết thầy mọi người, ông ta đoan quyết những trò ấy nhất định thi đậu. Phỏng theo sách Liễu Phàm Tứ Huấn, chúng tôi quan sát mấy người, đúng là không trật một ai. Nhìn người ở chỗ nào? Khiêm kính, tức là khiêm hư, cung kính. Mình ở địa vị cao đối đãi với nhân viên cấp nhỏ nhất toàn bằng thái độ khiêm hòa như thế, mọi người vui vẻ thực sự phục tùng mình, chịu dốc hết sức, chịu tận tụy vì mình, tôn kính mình, ưa thích mình. Lúc dùng lời lẽ ra lệnh, tâm họ chẳng phục, lúc đó họ bị quý vị cai

quản, quý vị là cấp trên, họ không làm gì được. Tương lai, lúc quý vị mất chức, không ai đoái hoài nữa. Cái trò ra oai của quý vị đã sai rồi, đã thất bại rồi!

Vì thế, chúng ta thấy thái độ khiêm kính của Phật, Bồ Tát, của Khổng Tử, Mạnh Tử như trong Luận Ngữ nói, chúng ta phải biết học theo, bởi các Ngài dạy dỗ thành công. Vì sao? Học trò khâm phục, học trò thực sự kính yêu thầy. Kính yêu thầy nên chẳng dám trái nghịch giáo huấn của thầy. Trái nghịch lời thầy dạy, lương tâm chẳng yên, cảm thấy mình có lỗi với thầy. Quý vị thấy sức ước thúc ấy rất lớn. Thầy không còn ở đời nữa, vẫn cứ như cũ, chẳng dám trái nghịch lời thầy dạy, vì nguyên nhân nào? Chân thành kính trọng thầy, yêu mến thầy sâu sắc, chứ chẳng có gì khác ngoài lòng kính yêu cả! Đó là điều chúng ta phải nên học theo. Vì vậy, khi đọc đoạn kinh văn này, chúng ta hiểu A Di Đà Phật dạy dỗ rất thành công, đệ tử Thanh Văn, đệ tử Bồ Tát số đến vô lượng vô biên.

### 6.3.2. Riêng khuyên chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ

Chúng ta xem tiếp ý lớn thứ hai: “*Đặc khuyên chúng sanh ung cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*” (Riêng khuyên chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ). Trước hết, chúng ta đọc kinh văn:

***Hưu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.***

又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

*(Lại này Xá Lợi Phát! Chúng sanh sanh vào cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong số ấy nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể tính toán hòng biết được nổi, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ).*

Chúng ta xem đoạn này trước. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thế giới khác không hề có. “*Đốn siêu viên chứng*”: Ở đây, chúng tôi phải phân ra mấy đoạn để nói. Đoạn thứ nhất là “*tịnh đức khuyên nguyện*”. Chúng ta có thể nói như thế này: Thế giới Cực Lạc giống như một trường đại học Phật giáo do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai thiết lập, A Di Đà Phật là hiệu trưởng. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc là từ đâu đến? Từ mười phương thế giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng phải đến từ một quốc độ nào, chẳng phải đến từ một khu vực lớn nào mà đến từ vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương. Đến như thế nào? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật Như Lai giới thiệu cõi Cực Lạc với mọi người, khuyên mọi người đến cầu học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới; bởi vậy, người đến đó rất đông.

Đương nhiên cũng có người dù nghe, giống như trong thế giới chúng ta vậy, tuy nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ] nhưng chẳng hứng thú lắm, có một phần thân tình ái luyến Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng đành lòng tách lìa Bôn Sư. Dầu Bôn Sư khuyên chúng ta đến đó cầu học, chúng ta vẫn chẳng cam lòng đi: “Thầy mình rất tốt, tôi muốn ở gần thầy, chẳng muốn đi qua

nơi khác”, rất nhiều người như vậy. Chúng ta thấy trong nhà Phật rất nhiều người học theo các tông phái khác, khóa tối đầu niệm kinh A Di Đà, nhưng họ chẳng niệm A Di Đà Phật, cũng chẳng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Họ niệm Nam-mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày lễ Phật cũng lễ Nam-mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chẳng lễ A Di Đà Phật, cũng chẳng niệm A Di Đà Phật, chẳng nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc, rất nhiều! Tôi gặp không ít người như thế. Đây là một thứ tình chấp.

Nay chúng ta không niệm Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật, chúng ta có trái nghịch Bồn Sư hay chẳng? Không hề có! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta bèn niệm A Di Đà Phật, vâng lời mà! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta qua thế giới Cực Lạc học với A Di Đà Phật, giống như bậc trưởng thượng trong nhà (cha mẹ của quý vị) bảo quý vị: “Có một vị thầy tốt, con hãy nên tới bái sư, nên qua đó học tập”. Quý vị không rời được cha mẹ, không muốn rời khỏi cha mẹ, dù cha mẹ không thể ép buộc quý vị, nhưng lắc đầu: “Đứa con này không nghe lời!” Biết nghe lời bèn đi, đến đó để sớm có ngày thành Phật. Nếu quý vị không đi, thời gian tu hành Vô Thượng Bồ Đề rất ư là dài! Bởi vậy, “*chúng sanh sanh giả*” (chúng sanh sanh về đó) trong đoạn này đều là các chúng sanh biết nghe lời, nghe theo lời Bồn Sư của chính mình răn dạy. Bồn Sư của họ giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chắc chắn các Ngài giảng kinh A Di Đà, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới với mọi người. Vì thế, những ai biết nghe lời đều phát tâm vãng sanh, người trong thế giới Cực Lạc đông đảo, không có cách gì tính đếm được.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thật là phi phàm, “*giai thị A Bệ Bạt Trí*” (đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là gì? A dịch là Vô. Trong chữ A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng. Ở đây, A là vô, Bệ Bạt Trí là thoái chuyển. Người Trung Quốc không quen nói “*vô thoái chuyển*” mà nói là “*Bất Thoái chuyển*”. Vì thế, A Bệ Bạt Trí là Bất Thoái chuyển. Vì thế, sự học tập trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gọi là đốn siêu, là viên chứng. Điều thứ nhất là “*sanh giai Bất Thoái*”: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng bị thoái chuyển. Thế giới này của chúng ta rất tệ hại, rất khó thể thành tựu học thuật thế gian hay xuất thế gian. Vì nguyên nhân nào? Tiến thì ít, lui rất nhiều. Điều này mỗi cá nhân đều hiểu rất rõ, đúng là sự thật. Thế giới Tây Phương quý nhất là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là một danh từ chuyên môn, chẳng phải là Bất Thoái Chuyển tầm thường đâu nhé, mà là một hạng Bồ Tát ở một mức độ rất cao sâu, kinh điển Đại Thừa thường nói là từ bậc Thất Địa trở lên.

Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải chú ý đến hai chữ “*giai thị*” (đều là), hai chữ này rất quan trọng. “*Đều là*” nghĩa là gì? Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ người Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư độ cho đến Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ đều là A Duy Việt Trí (A Bệ Bạt Trí), bởi vậy pháp này gọi là “*pháp khó tin*”. Nói với mọi người tu học Đại, Tiểu Thừa chuyện này, họ đều lắc đầu không tin. Vì sao? Phải là Thất Địa Bồ Tát mới hòng được Bất Thoái Chuyển. Kiến Tư phiền não đoạn sạch, Trần Sa phiền não đoạn sạch, phá một phẩm vô minh mới thành Sơ Trụ Bồ Tát, chúng được ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. A Bệ Bạt Trí là viên chứng ba thứ Bất Thoái, tức là chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái. Bậc Sơ Trụ

trong Viên Giáo mới chứng được, thế nhưng còn kém xa bậc Thất Địa đến ba mươi bảy tầng; giống như đi học mới vào lớp Một, trong khi Thất Địa Bồ Tát đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi. Quý vị mới học lớp Một, người ta đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi, làm sao sánh bằng người ta được cơ chứ?

Nhưng xác thực là quý vị có thể đời nghiệp vãng sanh, quý vị là phàm phu, đầu cho một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn, nhưng trí huệ, thần thông năng lực tự hồ chẳng kém Thất Địa Bồ Tát cho mấy. Vì nguyên nhân gì vậy? Được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Giống như hạng phàm phu tầm thường chúng ta, sanh trong một gia đình nghèo hèn, rất túng quẫn, không có gì hết, nhưng quý vị có một người họ hàng hay bè bạn rất sang cả, rất giàu có, họ mời quý vị đến nhà họ làm khách. Quý vị không có áo quần đẹp ư? Họ cho quý vị, họ cho quý vị chỗ ở, cho cơm áo, ăn xài chẳng khác gì họ cho mấy! Ra khỏi cửa cũng có xe ngựa, nhưng có điều khác biệt: Có cái gì là của mình hay không? Không có gì là của chính mình hết! Trường giả giàu to có phước báo có thể cho quý vị hưởng ké.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vậy đó. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, một phẩm phiền não chưa đoạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hưởng phước của A Di Đà Phật. Đương nhiên bản thân mình phải có một chút điều kiện vừa mắt người ta, nếu không dựa vào đâu để người ta mời mọc quý vị cơ chứ? Đó là tịnh nghiệp niệm Phật của quý vị thành tựu. Ngẫu Ích đại sư đã giảng điều này rất khéo, chúng ta niệm Phật phải niệm đến công phu như thế nào mới có thể tương ứng, mới có thể vãng sanh? Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi: “*Một niệm tương ứng một niệm sanh. Niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh*”. Ở chỗ này, đại sư giảng rất sâu, tôi nói rất nông cạn cho mọi người dễ hiểu. Tôi nói bốn chữ “*tâm, nguyện, giải, hạnh*”. Tâm của chúng ta phải giống như tâm Phật, nguyện của chúng ta phải giống với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Giải (解) là cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh phải giống như A Di Đà Phật, hạnh của chúng ta phải giống như hạnh của A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật tâm thanh tịnh, nguyện thanh tịnh, giải thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Đó là Năng Cảm. Hằng ngày niệm Phật, nhưng tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta không thanh tịnh sẽ không có cảm ứng, nhất định phải hiểu đạo lý này, chẳng thế không hiểu! Nơi nào là Tịnh Độ? Kinh điển Đại Thừa thường nói “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. Chúng ta phải tu bằng cách nào? Chiếu theo Vô Lượng Thọ kinh mà tu là đúng. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ ràng; không theo kinh Vô Lượng Thọ, hành theo kinh A Di Đà có được hay không? Được chứ! Kinh A Di Đà lời lẽ đơn giản, nhưng ý trọn khắp, đúng là rất nhiều chỗ chúng ta đọc không hiểu, phải xem chú giải của các tổ sư. Bản chú giải đơn giản nhất, nhưng thiết yếu nhất thì không gì hơn được Yếu Giải. Chúng ta có thể tuân chiếu Yếu Giải mà tu tập thì sẽ đúng! Chắc chắn vãng sanh, tức là sao? Phải hiểu kinh A Di Đà, không hiểu không được!

Kinh Di Đà rất khó hiểu, nhất định phải đọc chú giải. Trong các chú giải, độ dày của bản Sớ Sao của Liên Trì đại sư còn nhiều hơn kinh Vô Lượng Thọ nữa. Bởi vậy, quý vị đừng thấy kinh này rất ngắn mà làm! Nếu giảng kỹ thì mỗi ngày giảng hai tiếng, cả năm vẫn chưa xong. Trước đây chúng tôi đã giảng Sớ Sao một lần, mười mấy năm trước đây, lúc đó chúng tôi chưa có thiết bị thu hình, nhưng có máy thu âm. Mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, hình như tổng cộng giảng tới ba trăm ba mươi buổi,

một bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao thôi nhé! Chẳng dễ dàng đâu! Nếu quý vị chẳng thấu triệt, hiểu rõ, làm sao quý vị tu? “*Sanh giai Bất Thoái, cụ hữu dụ bồi căn lực công*” (Người sanh về đó đều được Bất Thoái, có đủ công đức dẫn dụ, vun bồi căn lực), “*công*” ở đây là công đức. Chúng ta thấy điều này, trong tâm rất háo hức, Bất Thoái Chuyển như vậy rất khó được, bọn ta nên nhanh chóng sanh về đó.

“*Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Trong số ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ), Nhất Sanh Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, số người như thế rất nhiều, “*kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (số ấy rất nhiều chẳng thể tính toán hồng biết được nổi, chỉ đành nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ). Chẳng tuyệt diệu lắm hay sao? Trong thế giới hiện tại của chúng ta, tìm không ra một vị Đẳng Giác Bồ Tát, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỗ nào cũng thấy. Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác, Đại Thế Chí là Đẳng Giác, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về đó, các Ngài đều là đồng học. Đẳng Giác Bồ Tát là trường lớp. “*Cụ trợ đương sanh thành tựu chi đức*” (Có đức tánh giúp cho ta được thành tựu ngay trong đời hiện tại): Ở cùng một chỗ với những vị đồng học ấy, quý vị cứ nghĩ xem, có thoát chuyển được hay chẳng? Không thể nào thoát chuyển được! Những vị ấy đều là vô lượng thọ. Vì thế, nhất định thành Phật ngay trong một đời, chẳng có nổi khổ chết chóc!

Thế giới Sa Bà thọ mạng ngắn ngủi, dẫu có vị thầy tốt chỉ dạy, có đồng học tốt giúp đỡ, quý vị công phu mới vừa đặc lực, thọ mạng đã hết, thật là phiền! Đời này tâm lạnh, hạnh lạnh, đời sau chắc chắn được làm thân trời người. Được làm thân trời người chắc chắn phước báo to hơn đời này, hưởng phước quá đậm ra hồ đồ, rất khó tiếp tục tu hành. Quý vị chỉ cần nhìn vào những người giàu sang sống quanh chúng ta, vì sao những người ấy phú quý? Do đời trước tu hành, nay được hưởng quả báo ấy. Họ có chịu tu hành nữa hay không? Quên sạch hết! Dẫu có nghĩ tu hành rất tốt, nhưng nay còn lắm việc chưa xong, đợi đến khi nào ta giải quyết xong mọi việc, hãy lại tu hành. Sự việc còn chưa xong thì thọ mạng đã hết rồi!

Trước kia tôi ở Đài Loan, tôi có một vị trưởng bối vừa là đồng học vừa là bạn rất thân của cha tôi, làm đến Trung Tướng. Lúc tôi học Phật, cụ cũng tán thành: “Khá lắm, rất tốt!” Lúc đó, cụ đã nghỉ hưu, kinh doanh một nông trường, bảo tôi: “Chừng nào tôi làm xong việc này, tôi cũng phải học Phật” Mấy năm sau cụ mất, sự nghiệp vẫn còn dang dở, thọ mạng đã hết rồi. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị mới hiểu tại sao chẳng thể không vãng sanh thế giới Cực Lạc. Không vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị tu suốt một đời này, dẫu đời sau được làm thân người, bị mê khi cách âm, muốn tiếp tục tu hành hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng chi! Quên hết sạch sự việc đời trước, từ lúc mới sanh ra cho đến khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, chắc chắn quý vị chịu ảnh hưởng của cha mẹ, người thân, quyến thuộc, những người ấy có chịu kêu quý vị tu hành hay chẳng? Có chịu kêu quý vị đi xuất gia hay không? Không có khả năng đó đâu!

Mười sáu, mười bảy năm chịu ảnh hưởng đó biến thành tập quán của mình, tức là: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” ([Chịu ảnh hưởng] từ nhỏ trở thành giống như tánh tình bẩm sanh, do thói quen biến thành tự nhiên). Quý vị chẳng dễ gì nảy sanh ý niệm tu hành, hầu như không có khả năng! Nếu như phước báo lớn lao, càng chẳng dễ dàng. Nếu quý vị sanh trong một gia đình nghèo khổ, chịu rất nhiều bầm dập, may ra mới có ý niệm xuất thế, có ý niệm tu đạo. Nếu là có phước

báo, sanh trong gia đình giàu sang thì chẳng có khả năng, tuyệt đối chẳng có khả năng! Chúng ta thấy rõ chân tướng sự thật này, quyết định chẳng chịu luân hồi, đời sau quyết định chẳng lâm vào tình cảnh ấy.

Phải thực sự cầu được vãng sanh! Phải thực sự nâng cao cảnh giới của mình lên! Phiền não tập khí nhất định phải đoạn, nhất định phải tu thành. Trong một đời này, tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, đối với hết thầy người, sự, vật, chớ nên có mảy may oán hận. Có chút oán hận nào thì quý vị sẽ bị đọa lạc, đời sau lúc gặp phải oán thân trái chủ, oan oan tương báo, đáng thương lắm thay! Nếu đức Phật chẳng giảng cho chúng ta [điều này], chúng ta vĩnh viễn không biết. Vì vậy, phải thực sự tu hành. “Tu hành” là “sửa đổi hành vi của chính mình cho đúng”. Trong hành vi, quan trọng nhất là quan niệm, tức là hành vi nơi ý nghiệp.

Tôi thường khuyên các đồng học biến địch thành bạn, hóa oán thành thân, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quyết định chẳng được đối lập với hết thầy chúng sanh, chẳng những không được đối lập với người, mà với hết thầy động vật cũng không được, với hết thầy thực vật cũng không được! Chớ nên đối lập! Phải có lòng yêu thương, phải có lòng cung kính, cung kính đối với người. Đối với sự đều phải cung kính. Kinh gọi đó là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng ở chung một chỗ). Chúng ta phải vun bồi thượng thiện, vun bồi tâm hạnh thượng thiện thanh tịnh chân chánh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời này, một chút chướng ngại cũng chẳng có. Ô! Bây giờ đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Chúng ta cũng đọc qua đoạn kinh văn tiếp theo đó một lần:

***Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.***

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。

(*Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe nói, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy*).

Hai câu này rất quan trọng.

***Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.***

所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

(*Vì sao vậy? Được cùng với các thượng thiện nhân như vậy cùng nhóm họp một chỗ*).

Đoạn này nói cho chúng ta biết về các thượng thiện nhân. Từ ngữ “*chư thượng thiện nhân*” chỉ các Đẳng Giác Bồ Tát, tức những bậc Nhất Sanh Bồ Xứ. Nhất Sanh Bồ Xứ mới là Thượng Thiện Nhân! Nói bao quát là “*đầy đủ công đức tăng thượng, duyên thù thắng*”, duyên ấy rất thù thắng, nhân sự hoàn cảnh tốt đẹp, được sự vui “*nhân hòa*”. Thế giới Cực Lạc đúng là thiên thời, địa lợi, nhân hòa không khuyết hãm mảy may nào. Bởi vậy, đức Thế Tôn khuyên chúng ta: “*Ưng đương phát nguyện,*

*nguyện sanh bỉ quốc*” (Hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Quý vị nghĩ lời nói ấy đúng hay sai? Khắp mười phương thế giới, tìm không ra hoàn cảnh nào thù thắng đến như thế, trọn đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nếu thực sự chịu phát nguyện vãng sanh, sẽ vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ luân hồi lục đạo trong thế giới Sa Bà. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại chẳng thể chứng đắc minh tâm kiến tánh, ắt phải chịu cái khổ luân hồi trong lục đạo. Quý vị kết ác duyên với hết thầy chúng sanh, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, càng nghĩ càng đáng sợ!

Lại xem tiếp đoạn thứ hai [trong sách *Yếu Giải*]: “*Đới nghiệp vãng sanh hoành xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ tứ độ, khai hiển tứ giáo pháp luân*” (Đới nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đồng Cư theo chiều ngang có đủ bốn cõi, khai hiển tứ giáo pháp luân). Trước hết, chúng tôi nói dăm câu: Trong một đời này, chúng ta có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc đúng là do đới nghiệp vãng sanh. Nếu chẳng đới nghiệp thì về căn bản, chúng ta chẳng có cơ hội vãng sanh! Đới nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang (hoành xuất tam giới). Quý vị phải biết: Mọi cách tu hành khác chẳng phải là “*hoành xuất*”, mà là “*thụ xuất*” (thoát ra theo chiều dọc). Nếu quý vị muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, phải đi qua Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, thoát khỏi Dục Giới như vậy, lên đến Sắc Giới. Trong Sắc Giới phải trải qua Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tất cả mười tám tầng trời, lại phải vượt qua bốn tầng Không Thiên để thoát khỏi luân hồi lục đạo, nên gọi là “*thụ xuất*”. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là “*thụ xuất*”. Còn người đới nghiệp vãng sanh thì sao? Hoành siêu! Chẳng cần phải đi theo con đường trên, chúng ta từ nhân đạo vượt ngang ra, nên gọi là “*hoành xuất tam giới*”, chẳng phải là “*thụ xuất*”, thoát ra từ nhân đạo.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Cõi Đồng Cư có đủ cả bốn cõi [Tịnh Độ] theo chiều ngang. Chúng ta về đó đương nhiên là về Phàm Thánh Đồng Cư độ, đới nghiệp mà! Bốn cõi [Tịnh Độ] trong thế giới chư Phật ở mười phương không ở cùng một chỗ, Thích Ca Mâu Ni Phật có Thật Báo Độ, nhưng Thật Báo Độ ấy chẳng ở trên địa cầu chúng ta, chẳng ở cùng một nơi. Ngài có Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ thuộc tứ thánh pháp giới, còn Thật Báo Độ là Nhất Chân pháp giới, không ở cùng một chỗ. Giống như các trường học trong thế gian này: Tiểu học, trung học, đại học tách rời nhau. Tiểu học là tiểu học, trung học là trung học, đại học là đại học, không ở cùng một chỗ. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, đại học, trung học, tiểu học, viện nghiên cứu cùng dạy trong một phòng học, rất đặc biệt; bởi thế, nó là pháp khó tin! Chúng ta đến đó là học trò tiểu học, nhưng cùng học chung một lớp với chúng ta có những sinh viên đại học, có nghiên cứu sinh, có sinh viên thuộc ban Tiến Sĩ, chúng ta gặp khó khăn gì họ bèn giúp cho, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ giống như sanh vào Phương Tiện Độ, vì sao? A La Hán là đồng học của mình, cùng học chung với mình trong một phòng học; giống như sanh vào Thật Báo Độ, vì ở chung một chỗ với Bồ Tát, giống như sanh vào Thường Tịch Quang Độ, vì sao? Chư Phật Như Lai cũng ở chung một chỗ với mình!

“*Khai hiển tứ giáo pháp luân*”, ý nói: Chúng ta đến đó tiếp nhận sự giáo dục viên mãn. Tứ giáo là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai, Ngài

học giáo lý Thiên Thai. Trong tông Thiên Thai, Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được hưởng nền giáo dục viên mãn, một chính là bốn, bốn chính là một. Thầy dạy cao minh, đồng học cao minh, đồng học đều là Đẳng Giác Bồ Tát, là các thượng thiện nhân.

“*Chúng sanh viên tịnh tứ độ*”: “*Chúng sanh*” chính là chúng ta; chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy tâm thanh tịnh, bốn cõi Tịnh Độ đều thanh tịnh. “*Viên*” là viên mãn, [“*viên tịnh tứ độ*”] là bốn cõi thanh tịnh viên mãn, cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh đều tương ứng với bốn thứ Tịnh Độ. “*Viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái*” (Thấy trọn ba thân, chứng trọn ba thứ Bất Thoái): Ở đây, phải chú ý đến ba chữ “*viên*”. Vì sao? Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là hết thảy viên mãn. Lúc ở những thế giới phương khác, đâu có thể thấy, có thể nghe, nhưng không viên mãn! Chỉ riêng ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy đều viên mãn, đó là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Tam thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Ba Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái này chúng tôi chưa lại để giới thiệu trong phần sau.

“*Nhân dân giai nhất sanh thành Phật*” (nhân dân đều thành Phật trong một đời): Hãy chú trọng chữ “*giai*”. “*Giai*” có nghĩa là phạm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều không có ngoại lệ, ai nấy đều thành Phật trong một đời. Thời gian một đời có khác biệt, có người sớm một chút, có kẻ chậm một chút, vì nguyên nhân nào vậy? Nguyên nhân chẳng ở bên ngoài, mà ở ngay nơi mình. Nếu quý vị siêng gắng tu hành, sẽ sớm có ngày thành Phật, vượt lên trước. Nếu quý vị biếng nhác, giải đãi, tán loạn một chút, thời gian để thành Phật của quý vị phải dài hơn. Đây chẳng phải là do thầy, chẳng phải do đồng học, chẳng phải do hoàn cảnh tu học, mà là vì chính mình dụng công siêng năng hay lười nhác. Muốn siêng học thì tốt nhất phải tập thành ngay từ bây giờ, nuôi dưỡng thành thói quen, thói quen ấy có thể mang sang thế giới Cực Lạc. Nói cách khác, đến thế giới Cực Lạc thời gian để thành tựu của quý vị sẽ rút ngắn lại.

“*Như thị đặng thắng di siêu tuyệt*” (Sự thù thắng, lạ lùng vượt trội không còn gì hơn được nữa như thế đó): Thù thắng, lạ lùng là khác với mọi thế giới. Chẳng những vượt trội, mà còn siêu tuyệt (vượt trội mọi thứ, không gì hơn được nữa), “*toàn tại thử nhị khoa điểm thị, tu để nghiên chi*” (hoàn toàn được trình bày trong hai khoa này, phải nên nghiên cứu kỹ càng): Sự thù thắng trang nghiêm siêu tuyệt khôn sánh của thế giới Cực Lạc nằm ở trong hai đoạn kinh văn này: Y báo màu nhiệm và chánh báo màu nhiệm, tức là hai đoạn kinh văn này tường thuật sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo. Ngẫu Ích đại sư đặc biệt dặn dò chúng ta phải tích cực nghiên cứu, chẳng được coi thường.

Trong phần trên đã nói tới Bất Thoái. Bất Thoái có ba loại:

1) Vị Bất Thoái “*nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa*” (nhập dòng thánh, chẳng đọa xuống địa vị phàm phu).

Hạng người nào vậy? Tiểu Thừa Sơ Quả, bậc Sơ Trụ của Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo (tức là Sơ Tín Vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm), bọn họ đắc Vị Bất Thoái. Những địa vị này là địa vị thánh nhân, quyết định chẳng thoái chuyển làm phàm phu nữa. Các Ngài đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, kiến giải chính xác, chẳng phải là tà tri tà kiến. Để thuận tiện cho việc giảng dạy, đức Phật gộp tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thành năm loại lớn: Thứ nhất là Thân Kiến,

thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Giới Thủ Kiến, thứ tư là Kiến Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Nói chung đều là kiến giải sai lầm, cách thấy sai lầm, đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy vạn pháp đều nhìn sai lầm. Những cách nhìn sai lầm ấy họ đều buông xuống được, có cách nhìn chính xác, chẳng còn thoái đọa làm phàm phu.

Phàm phu có cách nhìn sai lầm, cách nghĩ cũng sai lầm; nhưng phàm phu thì sao? Phàm phu chấp chặt cách nghĩ và cách nhìn của mình là chính xác, nghĩ người khác đều trật, bởi thế, họ vĩnh viễn là phàm phu. Con người phải biết sai mới thay đổi được; chẳng biết lỗi mình thì làm sao sửa? Kẻ ấy luôn nghĩ mình đúng, người khác sai, Phật, Bồ Tát có nói cũng cho là sai, là mê tín; vậy là không có cách nào hết. Lúc nào biết sai, lúc ấy mới sửa đổi được. Trong Phật pháp nói đến tu hành thì sửa đổi cho đúng những lầm lạc là tu hành, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Sơ Quả và Sơ Tín Bồ Tát thuộc Viên Giáo, dẫu chưa thoát tam giới, chưa vượt khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đọa ba ác đạo. Như Sơ Quả Tiểu Thừa chứng đắc Sơ Quả, bảy lần sanh vào cõi người hay cõi trời mới chứng A La Hán, bèn thoát tam giới. Các Ngài tu hành chẳng gián đoạn giữa chừng, chứng quả, đạt Vị Bất Thoái.

2) Loại thứ hai là “*Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh*”. “*Hằng*” (恆) là vĩnh viễn, tâm nguyện độ sanh chẳng bị thoái chuyển, chúng sanh vô biên thế nguyện độ, các Ngài chẳng đọa Nhị Thừa. Vì sao? Bạc Nhị Thừa là A La Hán, Bích Chi Phật không độ chúng sanh. Quý vị phải hiểu: Không phải các Ngài không độ sanh, các Ngài cũng độ sanh, nhưng không chủ động! Chúng sanh tìm đến Ngài, lạy Ngài làm thầy, học đạo với Ngài, Ngài tiếp nhận, nhưng Ngài chẳng đi tìm người khác, “không độ chúng sanh” có nghĩa là như vậy. Chẳng giống với Bồ Tát, Bồ Tát đến tìm ta, nhưng lúc Bồ Tát đến tìm ta, Ngài xem xét cơ duyên, xem duyên có chín muồi hay chưa? Chín muồi là gì? Lúc tìm đến quý vị, nếu quý vị có thể tin tưởng, tiếp nhận thì Bồ Tát bèn đến. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, Ngài đến tìm ta, ta chẳng thể tiếp nhận! Quý vị chẳng thể hiểu thấu thì lúc ấy Bồ Tát chẳng đến tìm quý vị!

Đây chính là điều nhà Phật thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Ở đây, “*vô duyên*” không phải thực sự là không có duyên gì, mà có nghĩa là duyên chưa chín muồi. Lúc chưa chín muồi, các Ngài không đến; duyên chín muồi bèn đến. Lúc chín muồi thì các Ngài giảng, quý vị tin được, hiểu được, lại còn có thể phụng hành, duyên chín muồi rồi mà! Do Bồ Tát tìm chúng sanh để độ nên trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy có câu: “*Vị chúng sanh tác bất thỉnh chi hữu*” (Vì chúng sanh làm người bạn chẳng mời). Chúng sanh không mời, Ngài cũng đến; không giống như A La Hán, Bích Chi Phật, chúng sanh phải mời mới đến; không mời, họ chẳng đến.

Bồ Tát không mời cũng đến nên là đại từ đại bi. Đó là những vị nào? Đó là bậc Bồ Tát trong Thông Giáo (trong Tạng Giáo không có Bồ Tát, trong Thông Giáo có Bồ Tát), bậc Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo. Vì vậy, Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo là Hạnh Bất Thoái, đáng quý vô cùng. Bạc Thập Tín của Viên Giáo đắc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Trong Tiểu giáo chỉ có một thứ là Vị Bất Thoái, chứ Hạnh vẫn còn thoái chuyển. Đây là chỗ thù thắng của Viên Giáo; bởi thế, chư Phật, Bồ Tát tán thán Viên Giáo đến tột bậc, [căn

tánh Viên Giáo] là căn tánh viên đốn. Hạng người ấy có tâm từ bi, có tâm trí huệ, niệm niệm chẳng xả chúng sanh, lúc nào cũng chịu giúp đỡ chúng sanh.

3) Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái. Thế nào là Niệm Bất Thoái? “*Tâm tâm lưu nhập biển Tát-bà-nhã*”.

Câu này chẳng dễ hiểu cho lắm. Biển Tát-bà-nhã là gì? Biển Tát-bà-nhã (Sarvajña) chính là Nhất Thiết Chúng Trí thường được Đại Thừa nói đến, nhưng vẫn chưa dễ hiểu. Chúng tôi nói một cách dễ hiểu hơn là: Quý vị niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh. Tôi nói cách này mọi người đều hiểu, nó có ý nghĩa như vậy đó! Niệm niệm tương ứng với trí huệ chân thật sẵn có nơi tự tánh không dễ dàng đâu! Phàm phu làm không được. Phàm phu niệm niệm sanh phiền não. Niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh là hạng người nào? [Phải là] người minh tâm kiến tánh; không minh tâm kiến tánh sẽ không thể làm được. Bởi thế, bậc đương cơ của Niệm Bất Thoái chính là Sơ Trụ của Viên Giáo, Sơ Địa của Biệt Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, minh tâm kiến tánh. Nhà Thiền nói: “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, đây chính là Niệm Bất Thoái.

Niệm niệm tương ứng với trí huệ quyết định chẳng sanh phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề, thực sự chuyển biến được, đó là bậc Sơ Trụ của Viên Giáo. Trong Tông Môn gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”; trong Giáo gọi là “*đại khai viên giải*”, trong pháp môn Niệm Phật gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*” chính là Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Biệt Giáo hay Viên Giáo tùy thuộc vào căn tánh của chính quý vị; nếu quý vị quả thật là căn tánh viên đốn thì quý vị nhập cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo; nếu quý vị không phải là căn tánh viên đốn thì là Sơ Địa của Biệt Giáo, tùy theo căn tánh bất đồng của từng người mà nói.

Biệt Giáo khác với Viên Giáo ở chỗ nào? Viên Giáo biến hết thủy thành rộng lớn, viên dung vô ngại; nhưng Biệt Giáo vẫn còn tính toán dè dặt, còn có chấp trước. Nói cách khác, tâm lượng chưa rộng mở, chưa được viên dung, còn chấp vào phương hướng, đường lối của mình. Viên giáo đáng quý, viên dung tự tại; còn Biệt giáo không viên dung, không được tự tại như Viên Giáo Bồ Tát. Căn tánh được vun trồng từ vô lượng kiếp, chẳng phải là trong một đời một kiếp. Bởi vậy, chúng tôi thường nói: Có người thiên tánh rất hoạt bát, có người thiên tánh rất cẩn thận, câu nệ. Câu nệ, cẩn thận là Tiểu Giáo hay Biệt Giáo; người hoạt bát rất có thể là Viên Giáo. Từ chỗ này có thể nhận biết phảng phất đôi chút hình dạng của Tạng, Thông, Biệt, Viên. Do vậy, có thể thấy được trọn vẹn ba thứ Bất Thoái.

Thấy trọn vẹn ba thân thì thấy ở đâu? Thấy ba thân ngay trên cái thân hiện tại của chúng ta. Mọi người chúng ta đều tưởng cái thân hiện tại chính là thân mình, thân ấy là thân nghiệp báo! Do nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ chiêu tập, cảm được báo ứng, thì gọi là “*thân nghiệp báo*”. Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì thân này là Pháp Thân, vì sao? Nó do các pháp sanh ra. Phật quy nạp các pháp lại, quy nạp đến mức đơn giản nhất là Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có gì chẳng phải là pháp? Nói rộng ra một chút là mười hai Xứ và mười tám Giới. Mười tám Giới là sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, hoàn toàn thuộc trong thân thể, chẳng tách rời khỏi thân. Thân ấy do các pháp tụ tập sanh ra, thân ấy chính là Pháp Thân.

Pháp Thân này cùng pháp giới bên ngoài là một, không phải hai. Nếu nói Pháp Thân này và pháp giới bên ngoài là hai chứ không phải một thì quý vị chưa chứng đắc. Sau khi chứng đắc, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ thân mình là tiểu vũ trụ, pháp giới bên ngoài là đại vũ trụ. Tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một, chứ không phải hai, tương dung, tương tức (dung nhập lẫn nhau, tiểu vũ trụ chính là đại vũ trụ, đại vũ trụ chính là tiểu vũ trụ), chẳng tách rời. Vì thế, đại vũ trụ bên ngoài chuyển theo tiểu vũ trụ bên trong, cảnh chuyển theo tâm! Đoạn hết vọng tưởng, trí huệ sẽ hiện tiền, thân này là Báo Thân. Báo Thân là thân trí huệ; nhục thể (cái thân xác thịt) trong thế gian là Ứng Hóa Thân, chẳng khác gì so với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, xác thực là bậc thừa nguyện tái lai (nuơng theo bốn nguyện tái sanh). Vì sao? Trong thế gian này, quý vị vì người khác diễn nói, chẳng vì chính mình; nếu vẫn vì chính mình thì là phạm phu. Phải không vì chính mình; cái gì mới đúng là chính mình? Toàn thể vũ trụ là chính mình, hết thấy chúng sanh là chính mình, hư không pháp giới là chính mình, Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp thành một. Đó là “*nhập pháp giới*”.

Tiểu Ngã chẳng hợp được thành một với Đại Ngã bên ngoài là chưa nhập pháp giới. Thế nào là “*nhập pháp giới*”? Quý vị hãy suy nghĩ từ đây. Lúc tôi giảng kinh đã nói khá nhiều lần: Tâm và hư không pháp giới dung hợp thành một thể, thân và vô lượng vô biên cõi nước cùng chúng sanh [trong vô lượng vô biên cõi nước ấy] hợp thành một thể, đó là nhập pháp giới, thực sự dung hợp. Lúc Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp nhất, quý vị hãy nghĩ xem: Có còn sanh tử hay chăng? Không có! Cầu sanh tử trọn chẳng thể được, sanh tử không còn nữa! Niết Bàn cũng không có, phiền não không có, trí huệ cũng không có; vì chúng đều là đối lập với nhau [nên cái này không có thì cái kia cũng không có]. Thực sự nhập pháp môn Bất Nhị, Bất Nhị gọi là Nhất Chân, không pháp nào chẳng phải là Nhất Chân, khi đó là Niệm Bất Thoái!

Bộ kinh điển Tịnh Độ này (tức kinh A Di Đà) bị không ít người coi thường vì kích thước quá nhỏ, chỉ là một tập sách nhỏ mỏng tanh. Nếu quý vị đọc rất quen thì chỉ cần năm phút là đọc xong, nhưng trong đây có những đạo lý lớn lao, đạo lý viên mãn rốt ráo, Thật Tướng viên mãn rốt ráo nhiều ngàn ấy, nào ai biết? Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, kinh nói tường tận, nói rộng, giảng tỉ mỉ chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Hiện tại chúng tôi đang giảng một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, từ lúc mới bắt đầu đến nay đã mất hơn hai ngàn giờ, nhưng mới giảng đến cuốn thứ mười hai! Kinh ấy tổng cộng chín mươi sáu cuốn; vì vậy, tôi tính hà tiện nhất thì cũng phải mất bảy năm mới có thể giảng xong. Tối thiểu phải mất bảy năm, mỗi ngày giảng suốt bốn tiếng đồng hồ.

Cảnh giới, nội dung của kinh Hoa Nghiêm và kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng, một đằng là giảng kỹ, một đằng nói đại lược. Văn tự có rộng - hẹp sai khác, nhưng đạo lý và cảnh giới hoàn toàn tương đồng. Bởi vậy, trong quá khứ tôi từng bảo các đồng học: “*Nếu muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà cho hay thì quý vị phải thông kinh Hoa Nghiêm. Chẳng thông kinh Hoa Nghiêm, quý vị giảng hai bộ kinh trên đây sẽ không viên mãn*”. Bởi vậy, cổ nhân nói ba bộ kinh này là một bộ kinh, [chỉ là] Đại Bản, Trung Bản, Tiểu Bản của cùng một bộ kinh. Thuyết này hết sức hợp lý.

Xem tiếp đến đoạn dưới, chính là đoạn văn của ngài Ngẫu Ích viết trong sách Yếu Giải: “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ,

kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ Phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Lạ lùng thật! Kinh nói Ngũ Nghịch Thập Ác là những kẻ tội nghiệp nặng nhất trong thế gian, họ có thể vãng sanh hay chăng? Có thể! Lúc lâm chung niệm mười tiếng A Di Đà Phật bèn vãng sanh vẫn được hay sao? Dễ dàng quá vậy? Nhưng quý vị hãy nghĩ coi: Lúc lâm chung, mười tiếng niệm A Di Đà Phật có niệm ra được hay không? Nói về mặt Lý chắc chắn là được, lâm chung một niệm bèn vãng sanh. Vấn đề là lúc lâm chung có niệm được hay không? Quý vị có bảo đảm hay không? Quý vị cứ xét kỹ thì thấy: Lúc lâm chung, có mấy ai được tỉnh táo, sáng suốt? Đó là điều kiện đầu tiên.

Nếu lâm chung hôn mê là xong rồi! Lâm chung hôn mê thì trợ niệm cũng không nhờ vả được. Trợ niệm nhằm toàn tâm toàn lực cảnh tỉnh chúng ta. Phải làm sao mới được vãng sanh? Người sắp chết nghe người khác trợ niệm, đột nhiên giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Nếu lúc lâm chung vẫn còn có sự tình vướng mắc trong dạ, vẫn còn chuyện gì đó chưa buông xuống được, khó buông xuống được nhất chính là thân tình, ân oán, những chuyện này khó buông xuống nhất. Thân tình không buông xuống được, ân oán không buông xuống được, lập tức đọa tam đồ. Lúc mạng chung, nghe một tiếng Phật hiệu mà cái gì cũng đều buông xuống hết thì có thể nói là do thiện căn tu Tịnh Độ trong đời đời kiếp kiếp thuộc quá khứ của người ấy phát hiện trong lúc ấy; người ấy cũng chẳng phải là kẻ tầm thường! Người tầm thường để gì may mắn như thế? Bởi vậy, chẳng thể cầu may nơi chuyện này được. Lâm chung một niệm hay mười niệm vãng sanh chính là do thiện căn tu hành trong quá khứ hiện hữu. Trong một đời này không gặp được duyên thì dẫu có thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể hiện tiền, chẳng dẫn khởi lên được. [Thiện căn phát khởi thì] lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khuyến kẻ ấy niệm Phật, kẻ ấy vừa nghe liền hoan hỷ, vừa nghe liền tin tưởng.

Trước kia, tiên sinh Châu Quảng Đại vãng sanh tại Hoa Thịnh Đốn (Washington), Hoa Kỳ. Ông ta cả đời chưa tiếp xúc Phật giáo, lúc lâm chung cũng hết sức đau khổ, hình như ông ta cũng bị ung thư. Hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn có những đồng tu quen biết với vợ ông ta, ông ta có tiệm bánh mì. Lúc đó, bà vợ ông không biết làm sao, đem tình hình thống khổ của ông kể với những đồng học thuộc hội Phật giáo tại Hoa Thịnh Đốn. Lúc ấy, tôi còn làm hội trưởng danh nghĩa của hội, có đồng học gọi điện thoại cho tôi, tôi đang sống ở Dallas; tôi nói quý vị phải nhanh chóng trợ niệm, khai thị cho ông ta. Hết sức hy hữu là cư sĩ Cung Chấn Hoa đến khai thị cho ông ta. Cung cư sĩ khéo nói, vừa khai thị là ông ta bèn tiếp nhận, quả nhiên tin tưởng, bèn niệm Phật theo. Vừa niệm Phật, ông ta bèn bảo vợ: “Tôi không còn đau đớn nữa!”, ngay lập tức không còn đau đớn nữa. Ông ta bảo người nhà: “Mọi người đều vì tôi mà niệm Phật đi”. Ông ta kêu người nhà, bà vợ cho đến những đứa bé trong nhà ai nấy đều niệm Phật, niệm ba ngày ông ta được vãng sanh.

Lúc lâm chung mới học Phật, niệm ba ngày được vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là buông xuống được, hạng người như vậy hết sức hiếm có! Tuy ông ta bệnh tật rất đau đớn, nhưng thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên. Điều kiện trọng yếu nhất là phải sáng suốt, không mê hoặc chút nào. Thứ hai là gặp được thiện tri thức chân chánh khuyến dạy mình, vừa nghe bèn có thể tin, hiểu, phát nguyện, cùng mọi người niệm Phật sẽ thực sự được vãng sanh. Hình như cư sĩ Cung Chấn Hoa cũng đã vãng sanh mấy năm trước rồi!

Ngay cả kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc, một đời tạo tội nghiệp cực nặng, vì sao lâm chung vẫn được vãng sanh? Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ từng tu pháp môn Niệm Phật, thiện căn hết sức sâu dày, trong đời này chẳng gặp được thiện duyên, toàn gặp ác duyên mới bèn tạo ác, đó là mê hoặc nhất thời. Lúc lâm chung gặp được thiện duyên, thiện căn trong A Lại Da thức bèn dẫn khởi, đạo lý là như vậy; tuyệt đối chẳng thể nói kẻ ấy không có thiện căn. Không có thiện căn thì một chút biện pháp gì cũng không có. Trong A Lại Da Thức có thiện căn từ những đời trước, lúc lâm chung thiện căn ấy được bạn lành dẫn khởi, bèn phát ra, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh. Đây chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Tiếp theo là một câu quan trọng: “*Cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái*” (Người thuộc Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này trọng yếu hơn bất cứ gì khác! Quý vị nghĩ xem, trong ba thứ Bất Thoái, người đắc Niệm Bất Thoái là hạng người nào? Là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát! Chúng ta là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đắc ba thứ Bất Thoái. Đắc ba thứ Bất Thoái chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát (Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Chuyện tốt như vậy tìm đâu ra được? Tìm không ra! Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có. Đó gọi là “*ngoại trừ một mình nhà này*”. Nếu quý vị không thêm đến đó, quý vị có bản lãnh gì để đoạn phiền não? Có bản lãnh nào để minh tâm kiến tánh? Tự mình hãy cân nhắc hết sức cẩn thận đi!

Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Cũng cần phải giới thiệu đơn giản vậy. Nghịch là phản nghịch. Tội ác lớn nhất, hoàn toàn trái nghịch tự tánh, gồm có năm điều:

1) Thứ nhất là làm thân Phật chảy máu.

Phật phước báo vô cùng lớn, quý vị có muốn giết Phật, muốn hại Phật, cũng giết không được, Ngài có phước báo quá lớn! Nhưng quý vị có ác tâm, rất có khả năng quý vị ngẫu nhiên làm rách da Phật một chút, chảy chút máu. Như Đề Bà Đạt Đa biết Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày khát thực đi theo đường nào. Trên đường đức Phật đi, có một chỗ có vách đá cheo leo, Đề Bà Đạt Đa liền ở trên vách đá ấy quăng xuống một khối đá lớn. Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực bước ngang qua đó; Đề Bà đẩy khối đá xuống mong đề chết Phật. Nhưng đức Thế Tôn có thần hộ pháp; lúc đó thần hộ pháp (như Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp) dùng chày Kim Cang đỡ lấy khối đá đang lăn xuống. Khối đá bị chặn lại liền bị vỡ nát, mảnh vụn văng vào chân đức Thế Tôn, tróc một chút da, chảy một tí máu. Làm thân Phật chảy máu, ôm lòng hại Phật!

Đức Phật là đạo sư của ba cõi, là mắt của trời người, quý vị hại Phật chẳng phải là gây tội cùng Phật, [mà là khiến cho] hết thảy chúng sanh chẳng được đức Phật giáo hóa, kết thành tội là ở chỗ này! Do đó, tội ấy rất nặng: Chẳng phải quý vị hại một người mà là hại hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh phải nhờ đức Phật dạy dỗ mà quý vị lại sát hại, quá sức rồi!

2) Thứ hai là giết A La Hán.

A La Hán là bậc đắc đạo, là người lành, cũng là vị thầy tốt, thiện tri thức, trụ trong thế gian này giáo hóa chúng sanh. Dầu chẳng giáo hóa chúng sanh, Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy có phước. Ngài là bậc trí huệ chân chánh, phước đức chân chánh. Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy không mắc nạn. Nay chúng ta hiểu đạo lý sau đây rất rõ ràng, minh bạch: A La Hán trụ tại địa phương nào, từ trường nơi ấy đều biến đổi. Quý vị muốn hại A La Hán cũng là hại hết thảy chúng sanh trong địa phương ấy,

toan sát hại người có trí huệ chân chánh, có phước đức chân chánh khiến cho mọi người ở địa phương ấy không còn phước, không còn trí nữa.

3) Thứ ba là giết cha, thứ tư là giết mẹ.

Cha mẹ có ơn dưỡng dục, chẳng biết báo ân, lại còn giết cha mẹ. Đó là tội nghịch. Tội Ngũ Nghịch chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ.

4) Tội nghịch cuối cùng là phá hòa hợp Tăng.

Tội phá hoại đạo tràng chánh pháp rất nặng, là nhân của địa ngục Vô Gian, quyết định đọa vào Vô Gian địa ngục. Kinh Địa Tạng giảng rất rõ. Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo cũng giảng rất rõ, quyết chẳng được làm chuyện này. Đoàn thể Phật giáo không đúng pháp ta còn không được phá hoại, nếu là đạo tràng đúng pháp lại càng không thể được. Đạo tràng không đúng pháp là nhân quả của họ, không cần đến chúng ta phê bình, chẳng thể tùy tiện nói, vì sao vậy?

Phật, Tổ răn dạy chúng ta: “*Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh thì Tăng phải khen ngợi Tăng*”. Khen ngợi lẫn nhau Phật giáo bèn hưng thịnh. Họ không đúng pháp, Phật dạy chúng ta “*mặc tẫn*”, tức là không đếm xỉa tới họ, cũng chẳng nói với họ. Kẻ ấy có nhân quả báo ứng của hắn, ta có nhân quả báo ứng của ta, như vậy là được! Quyết định chẳng tạo khẩu nghiệp, quyết định chẳng báng Tam Bảo. Nói “*báng Tam Bảo*” là vì tuy kẻ ấy làm chuyện chẳng đúng pháp, ta báng kẻ ấy, người khác đối với Phật giáo bèn vơ đũa cả nắm, tạo sự hiểu lầm rất lớn. Như vậy là ta có trách nhiệm, có nhân quả. Vì thế, phải hiểu đạo lý này. Hiểu rõ đạo lý này sẽ hiểu chính mình phải nên làm gì, thế nào là đúng pháp, làm sao mới là tu hành, thế nào mới là tích lũy công đức, không thể không biết. Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

## ***Tập 21***

Chư vị đồng học!

Phần trên chúng tôi giảng đến “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này thuyết minh vãng sanh thành tựu thù thắng, thuyết minh công đức lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này, “*thử điểm thị viên chứng thắng dị, tức thử kinh bất tư nghị đích lực dụng*” (điều này hiển thị viên chứng thù thắng, lạ lùng, đó chính là lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này). Chúng tôi đã giảng Ngũ Nghịch rồi, sách Yếu Giải có giảng về Ngũ Nghịch và Thập Ác. Thập Ác tương phản với Thập Thiện Nghiệp. “*Thân tam*”: Giết, trộm, dâm; đây là ba điều ác do thân tạo. “*Khẩu tứ*”: Tức là nói về ngôn ngữ có bốn điều ác lớn:

1) Vọng ngữ: Lừa dối chúng sanh, nói lời không thành thật, không đúng với sự thật.

2) Lưỡng thiệt: Khuấy động thị phi, khiến hai bên ghét nhau. Nhỏ là giữa hai người, lớn là khích động hiềm khích giữa hai quốc gia. Hai quốc gia bất hòa sẽ phát động chiến tranh. Bởi thế, tội ác lưỡng thiệt hết sức vô cùng nghiêm trọng. Tùy theo tai hại lớn hay nhỏ, thời gian gây ảnh hưởng dài hay ngắn mà quả báo tại A Tỳ địa ngục [sẽ dài hay ngắn].

3) Ác khẩu: Nói lời thô lỗ khó nghe. Hữu ý hay vô ý đều làm tổn thương người ta, khiến cho chúng sanh kết thành oán cừu. Rất nhiều khi chính kẻ nói không biết mình đã kết mối oán cừu, không hiểu vì sao kết thành oán. Vì vậy, nói năng không phải là chuyện dễ. Khổng lão phu tử dạy học, xếp ngôn ngữ vào khoa mục thứ hai, khoa mục thứ nhất là đức hạnh, khoa mục thứ hai là ngôn ngữ. Vì thế, cổ nhân nói: “*Khẩu vi họa phước chi môn*” (Miệng là cái cửa dẫn đến phước hay họa); tức là nói đến ngôn ngữ, lời lẽ hiền lành, dịu dàng mang đến hạnh phúc cho quý vị; nếu như ác khẩu, lưỡng thiệt sẽ mang đến hung tai. Bởi vậy, miệng đúng là cái cửa dẫn đến phước hay họa.

4) Ý ngữ: Hoa ngôn xảo ngữ dẫn dụ, mê hoặc người khác, đại đa số là dẫn dụ, mê hoặc con người làm chuyện chẳng lành. Trong xã hội hiện thời, chuyện này hết sức phổ biến. Quý vị xem đó: Đối với cái mà hiện thời gọi là nghệ thuật thì nội dung biểu diễn là gì? Ca múa là gì? Tuồng tích là gì? Âm nhạc là gì? Hầu như toàn là ý ngữ, nội dung chẳng ngoài giết, trộm, dâm, dối. Xã hội ngày ngày dạy đại chúng như thế thì xã hội làm sao an định được?

Người Trung Quốc bàn đến hòa bình, an lạc: Nếu có thể đối đãi hòa thuận với hết thầy đại chúng, đối xử hòa thuận với thiên nhiên thì tâm liền bình. Tâm có bình thì ta mới có thể được an, nay chúng ta gọi là “cảm giác an toàn”. Thân tâm an ổn thì mới vui, người tu hành gọi là “có định”. Thân tâm không có cảm giác an toàn, người thế gian nào có vui chỉ? Người tu hành làm sao đắc định được! Vì sao không thể? Bốn lỗi nơi miệng chính là cội nguồn. Bởi vậy, nếu chúng ta muốn thực sự đạt đến hòa bình an lạc thì nhân tố bậc nhất của sự an lạc hòa bình là “lời lành”, khẩu nghiệp phải lành! Nhất định không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ thì xã hội mới hòng an định. Vì thế, ngàn vạn phần chẳng được vì bản thân mình mà nói mấy lời giả dối gạt gẫm người, cho là đùa chơi không can hệ gì, can hệ lớn lắm đây! Gây tai nạn cho cả thế giới đây! Nay muốn tiêu trừ ác nghiệp của chính mình, muốn giúp hết thầy chúng sanh khổ nạn trong thế gian được tiêu tai miễn nạn thì phải bắt đầu từ đâu? Từ “*khéo giữ nghiệp miệng*” mà khởi đầu là đúng. Ai nấy đều biết khéo giữ nghiệp miệng thì xã hội an định, thế giới hòa bình, nhân dân hạnh phúc.

Thực hiện từ đâu? Từ ngay chính bản thân mình, phải làm gương cho đại chúng xã hội thấy. Xã hội ngày nay dường như tất cả nghệ thuật diễn xuất tuyệt đại đa số là nội dung bất thiện; cái gì bất thiện chúng ta không xem, không nghe, không tiếp xúc. Cái gì thiện lương thì ta đến xem, thưởng thức. Giống như sinh viên phân ban âm nhạc của đại học Côn Sĩ Luân (Queensland) vào Chủ Nhật tổ chức nhạc hội quy mô lớn với hơn cả trăm người, diễn tấu âm nhạc cổ điển mời tôi, tôi cũng đến tham dự. Vì sao? Đó là sự vui thú chánh đáng, chúng ta phải đề xướng. Nội dung bất thiện, chúng ta quyết định chẳng đến dự hòng tu dưỡng đạo đức của chính mình.

Hiện tại, những người trẻ tuổi một chút định lực cũng không có, thật không hay. Theo cách giáo dục của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc thì phải tu dưỡng định lực từ nhỏ. Cái định lực ấy chẳng phải là ngồi xếp bằng tịnh tọa trong nhà Phật, mà chính là phải học tập cái tâm nhẫn nại, học tập tính ôn trọng. Tâm con người hiện tại thô phù, bộp chộp, chẳng phải là điều hay. Cái tâm nhẫn nại để nghe nhìn bài giảng trong một giờ không có. Hiện tại cái tâm kiên nhẫn lâu nhất không quá nửa giờ, nhất định phải có những trò biểu diễn phụ thêm thì quý vị mới có hứng thú. Nếu chỉ nghe giảng đơn điệu, khô khan vô vị, quý vị nghe không vô; bởi thế, phải có động tác, phải có

biểu diễn. Điều này khiến chúng tôi nghĩ đến việc dạy học pháp xuất thế gian trong đời trước, chứ không cần nói đến cách dạy học trong nhà Phật, [học trò] hết sức cung kính lắng nghe, mỗi một buổi học tối thiểu là hai tiếng đồng hồ.

Trước kia, trường tư dạy học, mỗi buổi học phải từ hai đến ba tiếng đồng hồ, giữa chừng không có giờ nghỉ. Sáng sớm liền vào học, đến lúc tan học gần đến giờ ăn trưa, khoảng chừng ba tiếng đồng hồ, thầy trò ở cùng một chỗ. Đó là sao? Vun đắp cái tâm nhẫn nại, vun quén định lực. Nay chúng ta giảng kinh trong giảng đường cũng là lên lớp, mỗi buổi học là hai tiếng đồng hồ, giữa chừng phải nghỉ mười phút để mọi người giãn gân giãn cốt. Dạy học suốt một tiếng đồng hồ như thế, có rất nhiều người bảo tôi: “Người trẻ tuổi không kham nổi buổi học kéo dài một giờ như vậy, nghe giảng suốt một tiếng đồng hồ không chịu nổi!” Không sai! Đúng là nghe không nổi. Vì sao vậy? Vì nghe không hiểu. Giống như ăn món gì đó chẳng thưởng thức được mùi vị. Nếu nghe mà hiểu được, nếm được mùi vị, sẽ không bỏ được. Đừng nói là mỗi buổi học một giờ, dù giảng đến bốn giờ, người ấy cũng chẳng buồn lung một phút nào. Vì sao? Nghe rất thú vị. Trong Phật pháp gọi là “*pháp vị*”, Nho gia gọi là “*bất diệc duyệt hồ?*” (cũng chẳng vui sao?); nhà Phật gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”, nghe giảng thực sự nhập cảnh giới.

Lúc tôi còn bé đang học tiểu học, trong xã hội vẫn còn có lệ kê sách. Những đứa trẻ chúng tôi thường đến nghe, càng nghe càng thú vị, quên mất thời gian. Có lúc quên cả giờ cơm, càng nghe càng thâm thía. Nay nghệ thuật này còn tồn tại rất ít, may ra ở Trung Quốc Đại Lục hãy còn, chứ ở Đài Loan không còn nữa. Tại ngoại quốc đương nhiên càng tìm không ra. Đó là một loại nghệ thuật giáo dục xã hội, nội dung quá nửa là những chuyện lịch sử. Chúng tôi thích nghe kể nhất là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tân Trung Thuyết Nhạc tức là truyện kể về Nhạc Phi, vị anh hùng dân tộc trong lịch sử. Nội dung là trung hiếu tiết nghĩa. Bởi vậy, trong quá khứ có rất nhiều người dân chẳng được giáo dục, nhưng họ thông hiểu đạo lý làm người, học từ đâu ra? Học từ nghệ thuật diễn xuất ấy. Đó là giáo dục đấy! Giáo dục ẩn trong trò vui, gần như trong mấy ngàn năm ở Trung Quốc cách giáo dục ấy rất có hiệu quả; nói đúng ra, [nghệ thuật kê sách ấy] rất đáng đề xướng. Như thế thì ngôn ngữ quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, phải học nhé! Nếu khẩu nghiệp nặng thì mức độ nhẹ là ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi), mức độ nặng là A Tỳ địa ngục, chẳng tầm thường đâu!

“*Ý tam ác*”: Tham, sân, si. Keo kiệt, tham lam, nóng giận, ngu si. Đó là Thập Ác. Thập Ác là “*cực trọng chi tội, vi đọa địa ngục tam đồ chi nhân*” (tội hết sức nặng, là cái nhân của tam đồ địa ngục). Vì vậy, nay chúng ta phải chú tâm quan sát, con người rất ít ai tự biết rõ mình; thấy lỗi người khác, chứ không thấy lỗi mình, đó là ngu si. Chẳng thấy lỗi mình, làm sao tự đổi lỗi sửa mới cho được? Tu hành chẳng có gì khác, tu hành là sửa lỗi, Tu là sửa đổi, Hành là hành vi làm lỗi. Sửa đổi cho đúng những hành vi làm lạc thì gọi là Tu Hành. Thân chúng ta tạo Thập Ác, đấy chính là hành vi bất thiện, quý vị sửa đổi những lỗi đó, thân không giết, không sát sanh. Chẳng những không sát sanh, mà còn phải yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, càng tích cực yêu thương, che chở chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đó là thiện nghiệp, thiện hạnh.

Không trộm cắp: Giới kinh nhà Phật giảng cái tội trộm cắp hết sức vi tế, rất thấu triệt. “*Đạo*” (盜: trộm cắp) là không cho mà lấy. Phạm là vật có chủ, tài vật có chủ, không được chủ nhân đồng ý ta cứ tự động xài, hoặc dời động đều không được. Quý vị dời, cắt, chủ nhân tìm không ra. Vì thế phải luôn tính chuyện thuận tiện cho người

khác. Phật pháp dạy không trộm cắp được đại phú, không giết được trường thọ, mạnh khỏe sống lâu. Không giết, không dâm sẽ đạt được tướng hảo, quang minh, dung mạo đoan chánh, nay chúng ta gọi là “tươi tắn, rạng rỡ, dung mạo tươi sáng, rạng ngời!” Chúng sanh trông thấy quý vị bèn tôn trọng, kính yêu, quả báo hết sức thù thắng.

Quả báo của không vọng ngữ là thành tín, lời nói của quý vị được người khác tin tưởng. Nói năng được đại chúng tín nhiệm, giáo hóa được thành tựu, có thành tích khả quan. Nếu không, quý vị chẳng có đức hạnh, đâu có lòng tốt, đâu có ý tốt dạy người đến mấy, người ta chẳng tin tưởng, gây nên rất nhiều vấn đề, khó khăn lắm! Thiện tâm, thiện ý giúp đỡ người khác, người khác chẳng bằng lòng tiếp nhận. Nguyên nhân là gì? Do nghiệp nhân vọng ngữ.

Lưỡng thiệt càng đáng sợ hơn, khiến người ta chẳng dám tiếp xúc quý vị. Vì sao? Sợ bị làm hại. Quý vị có cái tập khí ấy thì có lúc hữu ý tổn thương người, có lúc vô ý, vô ý cũng hại người. Lưỡng thiệt rất đáng sợ. Hiền thánh, thiện tri thức dạy chúng ta phải “*kính nhi viễn chi*” những con người như vậy để khỏi bị hại. Gặp phải người tổn hại mình, con người có hai thứ phản ứng khác nhau:

1) Nếu không giác ngộ kha khá, chắc chắn sẽ ôm lòng hận thù, đợi thời cơ trả đũa. Trong lịch sử Trung Quốc, những chuyện như vậy rất nhiều. Lịch sử là tấm gương: Oan oan tương báo khổ không thể kể nổi!

2) Người giác ngộ thì phản ứng tốt hơn. Người thực sự giác ngộ có phản ứng như sau: Họ nghe mình nói, nếu quả thật có lỗi, họ bèn sửa đổi. Nếu không thì càng cố gắng. Người ấy chẳng oán hận quý vị mà còn cảm kích. Vì sao? Quý vị nói ra khiến họ tích cực phản tỉnh, quả nhiên mình có những sai lầm đó, tự mình không thấy được, nay nhờ quý vị nói ra, tự mình sửa đổi cho tốt hơn. Nếu quý vị nói lời giả dối, không chân thật, tức là vọng ngữ thì người giác ngộ nghe xong cũng chẳng trách móc quý vị, mà càng gắng sức chẳng phạm vào lỗi đó. Đó là phản ứng của người giác ngộ, của bậc thiện nhân!

Thế nhưng quý vị phải biết: Trong xã hội này, người giác ngộ thì ít, thiện nhân ít, người mê nhiều, người không giác ngộ nhiều, chuyện này phiền phức lắm! Nói những lời vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu với người mê, người không giác ngộ sẽ tạo thành oan gia đối đầu, rất phiền toái, phải chịu quả báo trong đời mai sau.

Như vậy, chúng ta tu hành là chuyển mười ác nghiệp thành mười thiện nghiệp, đối với người khác tuyệt chẳng vọng ngữ, mà nói lời thành thật, tâm và miệng như một, nói gì quyết phải làm đó. Chẳng được nghĩ con người trong xã hội hiện tại đều là lừa dối, có ai nói thật với người khác đâu? Lập luận như vậy, thoát nghe tưởng là đúng, nhưng thật ra là sai. Người khác đều nói lời không thật, nhưng nếu quý vị hiểu rõ nhân quả ba đời, quý vị biết kẻ đó tạo những nghiệp gì, tương lai đi vào con đường nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh! Nếu quý vị cũng bắt chước họ, giống như họ, trong tương lai quý vị nhất định phải đi vào ba ác đạo, lầm lạc mất rồi!

Đầu mọi người đều vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ hết cả, ta vẫn nhất định không làm theo. Vì sao? Ta chẳng mong mỗi đi vào ba ác đạo. Ta hy vọng trong tương lai vẫn được thiện quả mang thân trời người thì ta chẳng được vọng ngữ, chẳng được lưỡng thiệt; ác khẩu, ý ngữ đều không được. Nếu quý vị muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì lại càng không được [làm những điều đó]. Vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới “*giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (đều là thượng thiện nhân cùng nhóm lại một chỗ). Đức Phật dạy chúng ta như vậy, muốn

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu Thập Thiện Nghiệp thượng phẩm. Trung phẩm Thập Thiện là nhân đạo. Thượng phẩm Thập Thiện là thiên đạo. Nói cách khác, chúng ta muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tiêu chuẩn thấp nhất là thiên đạo. Như vậy, há có thể giết, trộm, dâm được ư? Há có thể vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ ư? Chẳng thể được! Quyết định chẳng thể được! Trong ý niệm chẳng thể có tham, sân, si, phải buông xuống, nhất định phải biết hết thấy tất cả thế gian, xuất thế gian đều là mộng, huyền, bọt, bóng. Người khác muốn thì ta cứ nhịn, cứ nhường. Nhường nhịn (nhẫn nhượng) là lúc mới vừa học, học đến giai đoạn thành thực sẽ nhường, vui vẻ nhường, không còn phải nhẫn nữa. Lúc mới học phải nhẫn, dần dần không còn nhẫn nữa. Nhẫn là có lúc thấy rất khó chịu, nhưng nhường lâu ngày sẽ vui vẻ làm!

Đức Phật dạy chúng ta trong mỗi niệm đều phải có tâm bố thí, cúng dường. Điều đó rất hay, bố thí cúng dường được đại phước báo. Người khác lừa mình, mình hoan hỷ. Vì sao? Kẻ đó gạt mình lấy của, là mình Tài Cúng Dường cho hắn. Không có chút áo nào chi hết! Hắn xâm chiếm mình, mình cũng rất vui vẻ, mình bố thí cúng dường cho hắn, hành đạo Bồ Tát mà! Nhất định phải nhớ kỹ: Đừng nói Phật pháp, ngay trong thế gian pháp, nếu trong mạng quý vị nhất định có thì dầu có bỏ cũng bỏ chẳng được. Trong mạng không có, có muốn ôm giữ cũng không được!

Bởi vậy, đối với của cải, người có trí huệ biết cách tán tài, trong Phật pháp gọi [tán tài] là “*quảng tu cúng dường*” (rộng tu cúng dường). Dùng cái tâm chân thành, cung kính để cúng dường, không một mảy keo tiếc, dứt keo tham! Chúng ta học được điều gì, nhất định phải thực hiện điều đó trong cuộc sống thường nhật thì mới thực sự được thọ dụng, thường sanh lòng hoan hỷ. Tâm bình khí hòa, tâm an lý đắc, môn học vẫn ấy thực sự hữu dụng, mang lại hạnh phúc chân thật viên mãn cho cả một đời ta. Nếu không học Phật, trong xã hội hiện tại người bất thiện nhiều, chúng ta giao tiếp với họ bị thiệt thòi, ngày ngày uất ức. Hằng ngày bực bội thì điều tổn thất đầu tiên là thân thể bị tổn hại đến nỗi thành bệnh.

Chúng tôi thấy thổ dân Úc châu, theo như tường thuật của một nữ bác sĩ người Mỹ, bà ta sống cùng với họ trong một thời gian, [nhận thấy] những lời họ nói rất có lý. Bà ta thấy cách họ trị bệnh, trong quan niệm của thổ dân, mỗi tế bào trên thân người đều có sanh mạng. Đúng đấy! Mỗi một người đều có rất nhiều sanh mạng chúng sanh cùng sống trên một thân thể. Trong số thổ dân có một người đi đường vô ý, té xuống vách núi, té từ vách núi cao hơn hai mươi mét xuống, chân dập nát, gãy xương. Chẳng dễ gì cứu anh ta lên được. Cứu lên xong, họ bèn đặt anh ta nằm ngửa, xương gãy hết sức nghiêm trọng, đầu xương gãy đã lòi ra. Toàn thân đầm máu. Thầy lang của thổ dân đặt anh chàng nằm thẳng ra xong, bèn chữa trị. Cách chữa trị như thế nào?

Giống như xoa bóp vậy, nhưng xoa bóp từ từ, tay không chạm đến thân người bệnh, cái chân bị thương vẫn còn cách tay thầy thuốc rất xa. Xoa bóp nhưng không đụng đến thân người bệnh. Vừa xoa bóp, vừa trò chuyện, lúc nói, âm thanh ngữ điệu hết sức dễ nghe, giống như đang ca hát. Bà bác sĩ hỏi ông ta làm như vậy nghĩa là sao? Thầy lang bảo ông ta đang trò chuyện với đầu xương bị tổn thương, trò chuyện với những tế bào ở bộ phận bị thương, hy vọng chúng nó sẽ hợp tác, khôi phục bình thường. Thần kỳ sao! Thực sự hữu hiệu! Ông ta làm như vậy độ ba bốn tiếng đồng hồ sau, đầu xương thực sự co lại, tự động lành lại.

Sau đó, thầy lang mới lấy cao trét lên vết thương. Dùng phương pháp của xứ đó: Lá cây và còn có thứ chi đó, chế thành cao dường như rất đậm đặc, bôi trét lên vết thương. Họ không có bông băng, cũng chẳng có kim khâu, cũng chẳng có thuốc sát trùng, cái gì cũng không có! Mọi người an ủi anh chàng bị thương, đến hôm sau anh ta hoàn toàn khỏe hẳn, có thể đi được! Bà bác sĩ thấy vậy sửng sờ, đúng là một kỳ tích! Hỏi ông lang nguyên do? Ông ta bảo: “Mỗi một tế bào và xương, lúc tế bị thọ thương, chúng bị chấn động, kinh hoàng; nay dùng cách ca hát để vỗ về chúng, khôi phục sự ổn định, bình tĩnh của chúng thì chúng sẽ trở thành bình thường”, đúng là thắng thường, đơn giản chẳng thể nghĩ bàn!

Bởi thế, bà bác sĩ rất cảm khái. Y học Tây Phương hoàn toàn tương phản với cách trị liệu tự nhiên này. Thỏ dân dùng phương pháp tự nhiên, tự nhiên khôi phục. Xương gãy nghiêm trọng như vậy mà đến hôm sau bèn bình phục. Điều này cho thấy vũ trụ sống động hoạt bát; cách nói ấy hoàn toàn giống với kinh Lăng Nghiêm: “*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Tâm là kiến văn giác tri. Bởi vậy, mỗi tế bào đều có thể thấy, nghe, hay, biết. Dùng lời lẽ tốt đẹp an ủi nó, vui vẻ giúp đỡ nó, nó cũng hợp tác với quý vị, nên tự nhiên khôi phục! Vì thế ngữ điệu của thầy lang rất thư thả, nhu hòa giống như đang ca hát.

Chúng tôi nghe sự kiện này, chúng tôi tin tưởng. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường giảng. Chúng ta đọc thấy rất nhiều, nhưng chưa từng thấy, chưa từng thí nghiệm. Giống như thỏ dân Úc châu nói, cách trị bệnh của họ là thí nghiệm, đúng là giống như kinh Phật dạy. Những thí nghiệm nghiên cứu của tiến sĩ Giang Bôn Thắng tại Nhật Bản cũng giống như kinh Phật nói. Ngày hôm qua chúng tôi liên lạc, mừng Hai tháng Tám ông ta sẽ đến Bồ Lý Tư Bản (Brisbane). Trước đó, có thể vào cuối tháng Bảy ông ta đến Mặc Nhĩ Bôn (Melbourne), đến Mặc Nhĩ Bôn tiện hơn, chúng tôi mời ông ta đến đó.

Đó là thiện ý, thiện tâm, thiện hạnh, chắc chắn có chỗ hay. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: “*Ngật khuy thị phước*” (Chịu thiệt thòi là phước), quý vị chẳng chịu thiệt thì một chút phước báo cũng không có. Chịu thua thiệt lớn, sẽ có phước báo lớn. Chịu thiệt thòi nhỏ, có phước báo nhỏ. Con người hiện tại chẳng tin điều này, người hiện tại cho là mê tín, quan niệm ấy sai lạc sao! Nhất định phải làm gì? Phải cạnh tranh, phải tranh đấu, tranh đấu đến cuối cùng là hai bên cùng thua thiệt, thương tổn, họa hại thay! Quý vị chẳng biết con đường cầu phước, chỉ biết đến cái thân này, chẳng biết có đời sau.

Trong thế gian này, ngay đến cái thân chúng ta cũng chẳng được coi rất quan trọng. Vì sao? Chúng ta muốn chết đi bèn được thăng lên, càng thăng lên càng tốt. Chúng ta có được về thế giới Cực Lạc hay không hoàn toàn do quyết tâm, do ý chí, do tâm hạnh, đó là ba điều kiện. Quý vị có quyết tâm, có chí nguyện, có hành vi, nhà Phật gọi là Tín - Nguyện - Hạnh, hạnh ấy là thiện hạnh. Kinh Di Đà Tiểu Bản chú trọng chấp trì danh hiệu; chấp trì danh hiệu thì phải hiểu ý nghĩa của danh hiệu. Trong Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong khai thị rất rõ ràng: Tín là quyết định chẳng hoài nghi, Nguyện phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Trong Pháp Sư, Ngài giảng Hạnh rất rõ ràng, rất minh bạch là chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo. Lão nhân gia lại nêu cả lời của Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương*

*tiện, tự đắc tâm khai*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tâm được tự khai). Đó là chân hạnh!

Bởi vậy, cơ sở của tu hành là Thập Thiện Nghiệp Đạo, không có Thập Thiện Nghiệp Đạo thì cũng như quý vị tu hành không có cội rễ! Trong thế gian này, ngay cả thô dân Úc châu cũng hiểu rõ điều đó; chúng ta đến thế gian này giống như lữ du, đến ngắm cảnh, thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, sẽ phải lìa khỏi nơi đây rất mau. Quyết định chẳng được mấy may lưu luyến hết thảy mọi thứ trong thế gian này. Hễ có chút lưu luyến, quý vị sẽ chẳng thể lìa thoát nơi đây; phải hiểu đạo lý ấy. Ở nơi này, chúng ta dựng được một đạo tràng, xây cất rất tráng lệ, vàng ngọc choáng lộn, cũng chớ nên lưu luyến. Vì sao? Nếu lưu luyến, mai sau chết đi, quý vị chẳng thể lìa khỏi chỗ này. Quý vị lưu luyến nó, chẳng thể bỏ được nó. Trong đạo tràng này chẳng có nam nữ giao phối thì làm thế nào bây giờ? Trong đạo tràng có chuột, có gián, có ruồi nhặng, có kiến. Úi chà! Quý vị bèn đầu thai vào những loài động vật đó, cho rằng nơi này là nhà mình, như vậy là ngu si đấy nhé!

Nếu quý vị có thể lìa bỏ cái đạo tràng này, đến ở trong thiên đường, nơi ấy thù thắng hơn chỗ này nhiều lắm! Thiên đường cũng chẳng được lưu luyến, quý vị vẫn phải vượt lên chỗ thù thắng hơn nữa. Hễ lưu luyến là xong, chẳng được có chút mấy may tham luyến nào! Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, quyết định chẳng được có chút mấy may lưu luyến gì. Lời Phật thường giảng ta phải ghi nhớ: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), *“nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Có năng lực, có phước báo, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh cần thiết, nhất định phải bỏ mình vì người, hy sinh dâng hiến. Người thế gian hay nói “hy sinh dâng hiến” dường như có ý gắng chịu thống khổ trong ấy, người giác ngộ không giống vậy, họ vui thích cúng dường. Vì sao? Đây là cơ hội tu phước, cơ hội tu huệ, phước huệ song tu. Đạt đến địa vị Như Lai thì phước huệ mới thực sự viên mãn rốt ráo, không miễn cưỡng tu mà là hoan hỷ tu.

Tiểu đoạn thứ tư kế tiếp đó là: *“Thập Lục Quán Kinh, Hạ Phẩm Vãng Sanh Chương vân”* (Thập Lục Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Vãng Sanh nói), phép Quán cuối cùng trong Thập Lục Quán Kinh là: *“Ngũ Nghịch Thập Ác, như thử ngu nhân, lâm chung ngộ thiện tri thức khuyến linh niệm Phật, như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”* (Ngũ Nghịch, Thập Ác, kẻ ngu như thế, lâm chung gặp thiện tri thức khuyến niệm Phật, liền chí tâm [niệm Phật] như thế khiến cho tiếng niệm không dứt. Đầy đủ mười niệm liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). *“Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dĩ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật”* (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng đều cùng ở chung với Bồ Xứ Bồ Tát, liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu cuối cùng này hết sức trọng yếu, là câu khai thị tinh yếu, đẹp đẽ nhất của Ngẫu Ích đại sư trong phần này. Trong phần trước, tôi đã trình bày cùng quý vị điều này: Một đời tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức khuyến dạy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy vừa nghe bèn hoan hỷ, liền tiếp nhận, liền sám hối nghiệp chướng, bèn thực sự được vãng sanh. Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi: Kẻ ấy chẳng tầm thường, trong đời quá khứ đã tu học Tịnh Tông, tu hết sức giỏi, có thiện căn hết sức sâu dày. Đáng tiếc là trong một đời này bị mê, không gặp được thiện tri thức, mê suốt cả đời; nhưng chúng tử thiện căn đời trước

trong A Lại Da Thức của kẻ đó hết sức mạnh. Bởi thế, trong lúc lâm chung, gặp được thiện duyên khích động thiện căn ấy, thiện căn phát hiện, lập tức khởi tác dụng.

Nếu trong đời quá khứ không có thiện căn và phước đức ấy sẽ không xong! Người không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, quý vị sẽ thường thấy bị hôn mê trong lúc lâm chung. Người bị hôn mê là xong rồi! Dầu đời này tu giỏi đến đâu đi nữa, lúc lâm chung mà bị mê là hỏng, đầu óc không sáng suốt, lúc ấy sẽ lưu chuyển theo nghiệp. Chúng ta trợ niệm cho họ chỉ có thể nói là trợ niệm tốt hơn không trợ niệm mà thôi, đó là điều chắc chắn. Có thể trợ niệm cho người ấy vãng sanh được hay không? Không dễ dàng gì, đúng là trợ niệm có thể giúp cho người ấy được vãng sanh, người ấy sẽ thực sự được vãng sanh nếu thiện căn và phước đức của người ấy hiện tiền. Nhờ vào sự trợ niệm để dẫn phát thiện căn và phước đức của người ấy, khiến người ấy phát nguyện vãng sanh niệm Phật cùng mọi người, bèn thành công. Nếu bản thân người ấy không có ý niệm gì thì người khác trợ niệm sẽ giúp người chết đó giảm nhẹ tội nghiệp, giảm nhẹ sự đau khổ, nhưng chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải do tự mình phát nguyện, người khác không có cách nào gia trì cho quý vị được. Nếu người khác có biện pháp gia trì cho mình, thì chúng ta khỏi cần phải niệm Phật nữa, A Di Đà Phật đại từ đại bi đã sớm tiếp độ chúng ta đi rồi.

Trong kinh giáo thường nói: *“Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”* (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Quý vị phải hiểu đạo lý này. *“Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”* (Hết thảy pháp sanh từ tâm tướng), chẳng phải là tâm tướng người khác, mà là tâm tướng của chính ta. Trong tâm mình không có ý niệm ấy, không có cách nghĩ ấy thì một tí tí phương cách gì cũng không có. Chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, phải thấu hiểu. Ngàn vạn phần chẳng được bỏ lỡ đời này, phải thực sự buông xuống, phải thực sự tu thiện, đoạn ác, hy vọng ngay trong đời này chẳng còn bỏ lỡ cơ hội nữa. Nhất định phải nắm lấy cơ hội này. Cái gì cũng có thể buông xuống được cả, ngay cả thân thể cũng không lưu luyến, hướng chi vật ngoài thân? Quý vị buông xuống được thì đâu còn chướng ngại gì gây chướng ngại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới! A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục đoạn thứ tư *“chương Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Thập Lục Quán Kinh”*, chúng ta phải chú tâm học tập đoạn này, ngàn vạn phần chớ có hiểu lầm, chẳng được ôm lòng cầu may. Tâm cầu may sẽ làm lỡ việc, bỏ uổng cơ duyên đại sự vãng sanh trong một đời này. Tôn thất ấy không có cách chi tính toán được. Câu sau cùng là: *“Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dĩ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật”* (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều cùng nhóm họp với Bồ Xứ Bồ Tát, liền viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu này rất trọng yếu! Quý vị thấy đó: Ngũ Nghịch, Thập Ác cả một đời này hết sức đáng tiếc nuối, chẳng gặp được thầy tốt, chẳng gặp được bạn lành, tuy tự mình có túc căn sâu dày trong đời quá khứ nhưng không có duyên gì phát khởi. Đây chính là như kinh Phật thường nói: *“Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn”* (Thân người khó được, Phật pháp khó nghe), chính là nói tới đạo lý này. Quý vị không có cơ hội tiếp xúc Phật pháp, tới lúc lâm chung mới được gặp.

Giống như xưa kia, tôi đã tường thuật cùng quý vị, ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, trước khi lâm chung ba ngày mới gặp được bạn lành, đem chuyện niệm Phật vãng sanh báo cho ông ta biết. Ai nấy đều biết ông Châu Quảng Đại là người tốt, tâm địa rất thiện lương, làm ăn rất quy củ, chưa hề dối người, lại còn bố thí, đúng là người tốt. Đời trước có thiện căn, nhưng không được tiếp xúc Phật pháp. Lúc lâm chung cũng là lúc bác sĩ đã bó tay không chữa trị nữa, bà vợ ông ta không còn cách gì, tìm đến Tịnh Tông Học Hội. Các đồng học trong Tịnh Tông Học Hội đến thăm, trợ niệm giúp ông ta, khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta vừa nghe liền lập tức tin tưởng, phát nguyện, niệm theo. Niệm chẳng lâu la gì, chúng ta hãy nghĩ coi: Ước chừng một hai tiếng đồng hồ bèn có cảm ứng! Ông ta kêu vợ cùng toàn gia đình hãy cùng niệm, bà vợ hỏi: “Tại sao?”

- Lúc tôi niệm Phật đau khổ giảm bớt, không đau đớn nữa (bệnh ung thư rất đau đớn), lúc tôi niệm Phật cảm thấy không đau.

Bởi thế, cả nhà cùng niệm Phật, niệm suốt ba ngày, Phật đến tiếp dẫn, ông ta bèn ra đi. Cư sĩ Cung Chấn Hoa đem sự việc này kể tường tận với tôi.

Hiếm có ở chỗ nào? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ, cũng vẫn ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát và các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc. Bồ Xứ Bồ Tát là những vị nào? Là những vị Bồ Tát ngang hàng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát... Hằng ngày ở cùng một chỗ với các Ngài, quý vị nghĩ xem mình có bị thoái chuyển hay chẳng? Chẳng thể thoái chuyển được! Thầy dạy là A Di Đà Phật và mười phương chư Phật Như Lai, bất luận quý vị muốn học kinh giáo nào, đều có chư Phật Như Lai đến giảng giải, truyền dạy cho. Các đại Bồ Tát, Bồ Xứ Bồ Tát là đồng học của mình, cùng học với mình. Quý vị tìm đâu ra hoàn cảnh tu học như vậy? Chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ xem! Nếu quý vị thực sự hiểu rõ chân tướng sự thật ấy thì thế gian này há còn gì đáng để lưu luyến hay chẳng? Đừng nói là nhân gian, ngay cả [địa vị] Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương cũng chẳng thể giữ quý vị lại được. Quý vị quyết định không có mảy may lưu luyến, muốn đến thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, càng sớm càng hay. Còn có gì không buông xuống được ư? Còn một chuyện gì chưa buông xuống được sẽ chưa thể đi được! Thứ gì cũng buông xuống hết, không có gì không buông xuống được!

Đoạn tiếp đó cũng là lời khai thị rất sáng tỏ của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta hãy đọc một lượt: “*Nhiên cứ giáo đạo*” (nhưng dựa trên kinh giáo), “*cứ*” (據) là căn cứ: Căn cứ trên lời dạy của đức Thế Tôn, “*nhược thị phạm phu, tắc phi Sơ Quả đẳng*” (nếu là phạm phu thì chẳng phải là hàng Sơ Quả): Quý vị là phạm phu, chưa phải là thánh nhân. Quý vị là phạm phu thì đương nhiên quyết định chẳng phải là Sơ Quả, chưa chứng được địa vị ấy. “*Nhược thị Nhị Thừa, tắc phi Bồ Tát*” (Nếu là Nhị Thừa thì không phải là Bồ Tát): Quý vị chẳng phải là Bồ Tát. “*Nhược thị Di Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng*” (Nếu là Di Sanh thì chưa phải là hạng Đồng Sanh Tánh). Thế nào là “*Di Sanh*”? Chính là Quyền Giáo Bồ Tát. Quyền Giáo Bồ Tát là gì? Là những Bồ Tát chưa kiến tánh, đó là Di Sanh! Di Sanh khác với Phật, khác như thế nào? Vẫn còn dùng tâm ý thức nên không giống Phật. Phật chẳng dùng tâm ý thức, Phật đã chuyển Thức thành Trí. Bởi vậy, Quyền Giáo Bồ Tát vẫn dùng tám thức, chưa rời khỏi tám thức, tám thức vẫn đang làm chủ nhân. Chư Phật Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám thức thành bốn trí, bốn trí làm chủ chứ không phải tám thức.

Như Lai là bốn trí, Pháp Thân Bồ Tát là bốn trí, bởi thế gọi là “*Đồng Sanh Tánh*”. Thiên Tông Trung Quốc thường gọi Đồng Sanh Tánh là “*minh tâm kiến tánh*”. Như Lai minh tâm kiến tánh, những vị Bồ Tát ấy cũng là minh tâm kiến tánh, các ngài là Đồng Sanh; những vị chưa kiên tánh thì là Dị Sanh. Chúng sanh trong chín pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Từ chín pháp giới cho đến hàng Bồ Tát – Quyền Giáo Bồ Tát – thuộc về tứ thánh pháp giới. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới: A La Hán, Bích Chi Phật, Thanh Văn, Bồ Tát, Phật; ngay cả Phật trong mười pháp giới đều thuộc về Dị Sanh Tánh, chẳng phải Đồng Sanh Tánh. Đồng Sanh Tánh thoát ngoài mười pháp giới, người Đồng Sanh Tánh trụ trong Nhất Chân pháp giới, cùng ở chung một chỗ với chư Phật Như Lai. Pháp giới mà các vị ấy trụ được gọi là Nhất Chân pháp giới; Dị Sanh Tánh trụ trong mười pháp giới.

Tiếp đó, sách Yếu Giải viết: “*Lạc đẳng tắc đại vọng*” (tạm dịch: [Nếu nói] vượt quá địa vị [tức là nói người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm có địa vị ngang bằng với các vị Pháp Thân Bồ Tát] thì là đại vọng ngữ): Phàm phu chợt đột ngột biến thành Pháp Thân Bồ Tát, đó là đại vọng ngữ, không thể nói như vậy được! Quý vị thấy Cự Lạc thế giới thuyết minh: Hạ Hạ Phẩm ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, há chẳng phải là lạm phân bằng vai phải lứa với nhau ư? Chuyện này rốt cuộc là như thế nào? Vì chỗ này mới nói pháp môn Tịnh Tông rất khó tin! Dùng phương pháp suy luận của Giáo Hạ thì chuyện này không thể nào xảy ra được! Phàm phu làm sao ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát được, đâu có đạo lý ấy!

Lại xét ba thứ Bất Thoái: Niệm Bất Thoái là Đồng Sanh Tánh, chẳng phải Dị Sanh Tánh. Niệm Bất Thoái là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc Nhất Chân pháp giới, trong mười pháp giới không có. “*Hạnh Bất Thoái phi căn kiến đạo*” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo): Hạnh Bất Thoái thuộc địa vị Kiến Đạo, ở phần trên chúng ta đã đọc qua. Bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Đại Thừa Viên Giáo chứng đắc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái; nhưng Tiểu Thừa Sơ Quả chỉ chứng được Vị Bất Thoái, hạnh vẫn thoái chuyển. Bởi thế, Hạnh Bất Thoái không chỉ là địa vị Kiến Đạo mà còn thuộc vào hàng Bồ Tát của Đại Thừa Viên Giáo, chẳng phải là một vị Bồ Tát tầm thường. “*Vị Bất Thoái, phi thị phàm phu*” (Vị Bất Thoái chẳng phải là phàm phu): Mức độ thấp nhất của Vị Bất Thoái phải là Tiểu Thừa Sơ Quả, đã chứng được địa vị thánh nhân, chẳng bị thoái chuyển thành phàm phu trở lại!

“*Tân bộ tắc xả cố xưng*” (vượt lên [địa vị mới] bèn bỏ tên gọi cũ): Địa vị được nâng lên, cái tên gọi cũ không còn nữa. Giống như nói quý vị đã chứng Tu Đà Hoàn, trước khi chứng Tu Đà Hoàn gọi là phàm phu. Chứng Tu Đà Hoàn rồi, không gọi là phàm phu nữa, mà gọi Tu Đà Hoàn! Nếu lại thăng lên cấp nữa, chứng đắc Nhị Quả Tư Đà Hàm, chẳng gọi là Tu Đà Hoàn nữa. Sau khi thăng lên một cấp, danh xưng trước kia không còn nữa, bỏ đi. Giống như chúng ta đi học, học tiểu học thì gọi là học trò tiểu học. Học xong tiểu học vào trung học, chẳng gọi học trò tiểu học nữa mà gọi là học sinh trung học. Tốt nghiệp trung học vào đại học không gọi là học sinh trung học nữa mà là sinh viên đại học. Những danh từ xưng hô trước kia không còn nữa, bỏ hết. Đó là pháp tắc thế gian, điều này không khó hiểu chi!

Hãy xem trong thế giới Cự Lạc: “*Cự Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị*” (Trong cõi Đồng Cư ở Cự Lạc, hết thấy đều không phải, hết thấy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn! Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Cự Lạc, phàm phu ở chung một chỗ với thánh nhân, tợ hồ giống như gì? Trong cùng một phòng học,

học trò tiểu học, học sinh trung học, sinh viên đại học, nghiên cứu sinh đều cùng học một lớp; phân ban, cấp lớp rất đặc biệt, rất chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị nói họ là sinh viên đại học ư? Trong đó có học trò tiểu học, quý vị nói đó là lớp học của học trò tiểu học ư? Trong ấy có nghiên cứu sinh, nói làm sao bây giờ? “*Nhất thiết câu phi*” (hết thầy đều không phải), nói sao cũng trật. Chỉ có thể nói là cùng học trong phòng học đó. Chẳng thể nói là tiểu học; nói là trung học hay đại học cũng đều không thể nói như vậy được! “*Nhất thiết câu phi*” (hết thầy đều trật) mà! Cũng vẫn có thể nói trong phòng học ấy có đại học, có trung học, có tiểu học, “*nhất thiết câu thị*” (hết thầy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn!

Việc dạy học trong nhà Phật, trên thực tế, khi pháp sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp tình hình đều giống như vậy: Thính chúng rất nhiều. Số là năm nay chúng tôi dự định Rằm tháng Năm sẽ sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur) mở giảng tòa quy mô lớn bên đó, ngày Mười Bảy khai giảng. Cư sĩ Lý Kim Hữu báo cho chúng tôi biết thính chúng ước tính chừng hai vạn người. Hai vạn người cùng ở trong một lớp học, chắc chắn là có người trình độ tiểu học, có người trình độ trung học, có người trình độ đại học, có người trình độ thạc sĩ, có người trình độ tiến sĩ, đều ở cùng một chỗ, cùng một phòng học, chúng tôi giảng cho mọi người. Lớp học ấy đúng là “*hết thầy đều không phải, hết thầy đều là phải*”. Trong nhà Phật gọi trường hợp này là “*đại giảng tòa*”.

Cái gọi là “*đại giảng tòa*” có nghĩa là mọi trình độ bất đồng đều bao gồm hết, các độ tuổi bất đồng cũng bao gồm. Người đến nghe giảng từ những bạn nhỏ mười mấy tuổi cho đến những ông cụ tám chín mươi tuổi, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề, đại giảng tòa là như vậy đó! Lúc chúng tôi học kinh giáo, thầy Lý thường bảo Đại Giảng Tòa khó lắm! Khó ở chỗ nào? Chẳng dễ gì khế cơ được! Quý vị giảng điều gì sao cho mọi tầng lớp, mọi trình độ bất đồng, mọi nghề nghiệp bất đồng nghe giảng đều sanh tâm hoan hỷ, há phải dễ dàng ư? Hoàn toàn khác hẳn các ban, các lớp trong trường. Trong trường học, học trò thuộc cùng một lớp thì nói chung trình độ không chênh nhau nhiều lắm, dễ dạy, dễ giảng. Trong lớp học này, trình độ nào cũng có, rất khó giảng!

Khi chúng tôi học giảng kinh, thầy Lý dạy chúng tôi một nguyên tắc: “*Nội dung một buổi giảng phải có sâu, có cạn, có rộng, có lược*”. Vì sao? Nhằm thích hợp khẩu vị của từng người. Nếu quý vị cứ một mực giảng sâu thì người nghe không đủ trình độ sẽ không đạt được lợi ích, buổi học sau họ không thêm đến nữa, họ nghe đâu có hiểu! Hoàn toàn giảng nông cạn thì người trình độ cao nghe chẳng thích thú gì, quá nông cạn! Buổi học sau họ cũng không buồn tới nữa! Nếu quý vị giảng sao cho nam nữ già trẻ mỗi trình độ đều nắm được, mỗi buổi giảng họ đều đến, quý vị thành công rồi, khá khó khăn đấy! Trong đại giảng đường ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trình độ gì cũng có, quý vị xem đây: Chúng ta biết trong số những người niệm Phật vãng sanh, có không ít những vị vãng sanh chưa từng đi học, không biết chữ; có vị trình độ cao, đương nhiên có bậc Đăng Giác Bồ Tát, có Pháp Thân đại sĩ, có A La Hán, có Bích Chi Phật thuộc trình độ cao. Đức Phật thuyết pháp trong đại chúng ấy, thật ra Ngài dùng một âm thanh để thuyết pháp, nhưng chúng sanh tùy theo căn tánh đều hiểu, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó là đoạn văn: “*Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô thử giai vị, vô thử pháp môn, phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện,*

*hà dĩ hữu thử!*” (Mười phương cõi Phật không có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không do tâm tánh đã đạt đến mức cùng cực, công lao kỳ diệu của Trì Danh hun đúc, do đại nguyện của Phật Di Đà, há có những sự như thế này chăng?) Mấy lời Ngẫu Ích đại sư vừa nói đó đúng là việc chân thật. Đúng là mười phương thế giới chẳng hề có, chẳng có những danh tướng này, mà cũng chẳng có địa vị như vậy. Mười phương thế giới kể cả thế giới Sa Bà chúng ta đang sống đây, cũng chẳng có pháp môn ấy. Chỉ mình Tây Phương Cực Lạc thế giới là có, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới thù đặc như vậy? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng cho chúng ta biết *“tâm tánh chi cực trí”* (là do tâm tánh đến mức cùng cực). Chúng ta học Phật chẳng có chi khác, mục tiêu chung cực (cuối cùng, tốt bậc) là trở về với tâm tánh. Nay chúng ta thường nghe người thế gian hô hào *“trở về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân”*. Hai câu này thiên hạ nói rất nhiều, ý nghĩa cạn - sâu rất lớn. Ý nghĩa cạn là quay về với tự nhiên, hy vọng một số người vì hoàn cảnh [không gần thiên nhiên] được tiếp xúc với thiên nhiên nhiều hơn. Vì thế, trong dịp nghỉ, người sống ở đô thị rời nhà, đi du ngoạn, thăm viếng những nơi có cảnh đẹp, sinh hoạt trong thiên nhiên một khoảng thời gian ngắn, trốn tránh những ồn ào, căng thẳng của đô thị, sống thung dung hơn trong tự nhiên. *“Trở về với sự thuần phác, quy chân”* nghĩa là như vậy.

Ở Úc Châu, đất rộng người ít, nhất là tại những thành phố nhỏ như thành phố chúng ta, những kiến trúc đều được đặt ngay trong hoàn cảnh thiên nhiên, không phá hoại hoàn cảnh tự nhiên. Lúc tôi mới đến Úc Châu, thường nghe nói vấn đề ưu tư lớn nhất của Úc châu là xú dưỡng tầng (tầng ozone) bị xé rách, ánh sáng mặt trời rất mạnh, tia tử ngoại (ultra-violet ray) nhiều gấp sáu lần những nơi khác. Vì thế, ra khỏi cửa nhất định phải che dù, đội mũ, mặc áo dài tay để khỏi bị bỏng nắng. Cháy nắng lâu ngày sẽ dễ bị ung thư da. Hai năm gần đây, các nhà khoa học cho biết: “Không thấy tầng ozone ở trên bầu trời Úc châu bị thủng nữa”. Nó chuyển sang đâu? Sang Nam Mỹ rồi. Tầng ozone trên không trung cũng di động, không đứng yên, hiện tại nó đã di chuyển sang Nam Mỹ. Vấn đề bận tâm đối với không trung ở nơi này nay không còn nữa.

Cảnh quan nguyên thủy của Úc Châu chưa bị phá hoại, rừng rậm nguyên thủy rất nhiều. Chúng ta sống ở đây là quay về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân, đó là cách nói nông cạn. Trong nhà Phật, trở về với sự thuần phác quy chân chính là tâm tánh đạt đến mức cùng cực. Phải như thế nào thì mới đạt được? Tâm phải chân thành niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy: *“Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm”*. Tám chữ ấy hết sức trọng yếu. Tám chữ ấy chính là mấy câu Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây. Bồ Đề tâm là gì? Nói nông cạn, Bồ Đề tâm là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật bằng những tâm ấy. Dùng những tâm ấy nhất định chẳng bị thiệt thòi, dùng những tâm ấy nhất định sanh về Tịnh Độ, chiếm đại tiện nghi.

Nếu quý vị không sử dụng những tâm ấy, dù niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, thua thiệt rất lớn: Quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Chúng ta quyết định dùng những tâm ấy, đối với thế duyên, hết thầy người, sự, vật trong thế gian đều thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, chẳng sợ thiệt thòi, chẳng sợ bị lừa gạt, chẳng

những không sợ lại còn hoan hỷ. Vì sao? Mấy bữa là mình phải đi, mình đi qua thế giới Cực Lạc. Nghĩ tới đó, quý vị sẽ bố thí nhiều hơn một chút, cúng dường nhiều hơn một chút, tu nhiều hơn một chút, “*bố thí, cúng dường phước vô biên*”. Trong kinh Phật dạy như vậy. Ban cho chúng sanh thiện duyên, tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật xong, trở về thả bè Từ độ những người ấy. Bồ Tát phải phát đại nguyện thanh tịnh, đây chính là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật.

Bởi thế, lời dạy của Ấn Quang đại sư về Niệm Phật Đường phải nhớ kỹ, quyết định phải thực hiện, cộng tu trong Niệm Phật Đường hai mươi người là lý tưởng nhất. Nay ở đây chúng tôi hạn định tiêu chuẩn của Niệm Phật Đường là bốn mươi tám người, trong nhà có hai mươi người niệm Phật, bên ngoài có hai mươi tám người từ các nơi đến cùng tu. Bọn họ tham gia các hoạt động của chúng ta trong một thời gian ngắn, hoạt động của chúng ta là mười thất, tức bảy mươi ngày. Họ ở đây niệm xong một kỳ phải quay về, hai mươi người trong nhà chúng ta ở đây lâu dài, đặc biệt an bài hoạt động này. Chúng ta báo đền ơn thí chủ, báo ơn đồng học, chúng tôi hoan nghênh mọi người cùng niệm Phật, tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy.

Trong lời dạy của tổ Ấn Quang không nhắc đến giảng kinh, nay chúng tôi thêm vào một buổi giảng kinh, vì sao phải thêm vào? Thời tổ Ấn Quang không thêm vào thì được, hiện tại thêm vào sẽ có cái hay: Giải - hạnh tương ứng. Quý vị đọc kinh A Di Đà, nếu quý vị không giảng rõ ràng, không giảng thấu triệt, sẽ chẳng thể phát khởi tín tâm kiên định cho người niệm Phật. Tín nguyện kiên định là những nhân tố quan trọng để vãng sanh. Đây đều là như Ngẫu Ích đại sư nói: “*Được vãng sanh hay không, quyết định tại có tín nguyện hay không; phẩm vị cao hay thấp, do công phu sâu hay cạn quyết định*”. Bởi vậy, Tín - Nguyện có thể nói là Dẫn Nghiệp về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là nhân tố trọng yếu nhất để hướng dẫn chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, công phu niệm Phật sâu hay cạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là Mãn Nghiệp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào một cõi nào, phẩm vị nào là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Nay trong thế gian này, chúng ta phải tranh thủ hai chuyện; hai chuyện này chúng ta mang theo được, những thứ khác không thể mang theo được đâu! Sanh chẳng mang theo thứ gì đến, chết chẳng mang theo thứ gì đi. Nhất định phải hiểu như thế. Đã không mang theo được thì phải buông xuống. Nếu quý vị không buông xuống được, sẽ bị lôi kéo, sẽ bị hại. Phải bỏ hết những gì không mang theo được, phải có trí huệ quan sát cơ duyên, hễ có những cơ duyên phải lập tức bỏ ngay, không do dự mảy may, không tiếc nuôi mảy may. Dưỡng thành tập quán như vậy, lúc lâm chung vãng sanh một tí chướng ngại nào cũng không có. Bởi thế, “*tâm tánh đến mức cùng cực*” vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những hiện tượng trong thế giới Cực Lạc đều từ tự tánh viên mãn lưu lộ.

“*Trì danh chi kỳ huân*” (sự un đức kỳ diệu của trì danh): “Huân” là công huân, công huân lạ lùng của trì danh niệm Phật, công huân chẳng thể nghĩ bàn! Trong bốn cách niệm Phật, đức Phật khuyên chúng ta nên dùng loại này, để thực hành, thành tựu cao. Trong chú giải có nói đến bốn cách niệm Phật: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật (Thập Lục Quán Kinh là Quán Tướng Niệm Phật), Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh tương ứng Thật Tướng, bởi thế, nó rất

chẳng thể nghĩ bàn! Hiểu giáo lý Tịnh tông ít ỏi, chẳng hiểu sâu, nhưng nếu tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên định, không có một điểm hoài nghi nào, trì danh như vậy sẽ thâm hợp đạo mâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị thông đạt kinh giáo này mà trì danh thì niệm mỗi tiếng Phật hiệu đều tương ứng, niệm niệm tương ứng, tương ứng rõ ràng. Chẳng hiểu mà chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật thì sẽ ngầm tương ứng, tức là người [niệm Phật] ấy tương ứng nhưng không biết. Không biết cũng chẳng sao, đến thế giới Cực Lạc sẽ biết, sẽ hiểu rõ!

“Đại nguyện Di Đà”: Quý vị thấy ba việc này chứ? Di Đà đại nguyện là Phật lực; Trì Danh là tự lực; “tâm tánh đạt đến mức cùng cực” là tâm lực. Tâm, Phật, chúng sanh ba thứ không sai biệt; tâm, Phật, chúng sanh ba thứ tương ứng, cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn nên Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hiện tiền, nhất là trong Phàm Thánh Đồng Cư độ. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thù thắng nhất, khôn sánh bậc nhất chính là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Quý vị bảo là Thật Báo Trang Nghiêm Độ ư? Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới và Thật Báo Trang Nghiêm Độ của các thế giới chư Phật khác không hai, không khác, chẳng khác gì nhau. Sai khác nhiều nhất chính là ở cõi Đồng Cư. Trong cõi Đồng Cư của thế giới Tây Phương có cõi Thật Báo, có cõi Phương Tiện trong ấy, bốn cõi ở cùng một chỗ. Không như các thế giới Phật khác, bốn cõi tách rời nhau, chẳng dung hội lẫn nhau. Bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới xen kẽ dung hợp lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn!

Lại xem tiếp đoạn lớn thứ hai: “Một đời thành Phật”. Trong đoạn này, chúng tôi chia thành sáu tiểu đoạn đề giới thiệu:

1) Đoạn thứ nhất: “*Nhất Sanh Bồ Xứ, tức thị viên chứng tam Bất Thoái chi biệt danh. Ý vị chi nhất sanh bồ Phật vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân phổ giai nhất sanh thành Phật, nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ cố, kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri*” (Nhất Sanh Bồ Xứ chính là tên gọi khác của “chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái”, ý nói: Chỉ trong một đời bèn dự vào địa vị bồ xứ làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm... Toàn bộ nhân dân cõi Cực Lạc đều là thành Phật trong một đời, ai nấy đều thực sự chứng Bồ Xứ. Trong ấy, có nhiều hàng thượng thiện như vậy chẳng thể đếm nổi). Đây chính là nội dung của đoạn kinh sau đây:

***Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả, vng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.***

**舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。**

(*Này Xá Lợi Phát! Chúng sanh nghe vậy phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Vì có sao vậy? Được cùng những vị thượng thiện nhân như thế ở cùng một chỗ.*)

Đây là câu đầu tiên nói đến vấn đề này trong kinh văn. Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, Bồ Tát là nhân vị (địa vị trong khi đang tu nhân), Phật là quả vị (địa vị khi đã chứng quả). Nhân vị đạt đến cùng cực, đến đỉnh điểm là Bồ Xứ Bồ Tát, một đời thành Phật. Bởi thế, Nhất Sanh Bồ Xứ chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái, “viên” là viên mãn. Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa viên mãn, vì sao? Trên các Ngài còn có địa vị

khác, các Ngài chỉ tiếp cận viên mãn, chưa thực sự viên mãn, Bồ Xứ mới là nhân địa viên mãn. Chúng ta thường thấy những tấm biển ngạch phía trên Đại Hùng Bảo Điện của Phật môn viết những chữ gì? “*Nhân viên quả mãn*”. “*Nhân viên*” là Đẳng Giác, “*quả mãn*” là Diệu Giác; dùng mấy chữ ấy để tán thán Phật Bồ Tát rất tuyệt! Thường thường, quý vị thấy trên Đại Hùng Bảo Điện thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Quả Mãn. Hai bên Phật Thích Ca là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền là Nhân Viên, Phật là Quả Mãn. Chúng ta thường thấy trong các Đại Hùng Bảo Điện thờ một vị Phật, hai vị Bồ Tát như vậy.

Như vậy, [trong câu] “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, phải chú trọng chữ Viên. Chứng ba thứ Bất Thoái thì hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo chứng đắc, họ là Pháp Thân Bồ Tát, là Đồng Sanh Tánh, không phải Dị Sanh Tánh. Có nghĩa là thành Phật trong một đời, chẳng đợi đến đời thứ hai. Tiếp đó, sách nêu một thí dụ: “*Giống như Di Lặc Bồ Tát*”. Di Lặc Bồ Tát thành Phật trong một đời, Quán Âm Bồ Tát cũng thành Phật trong một đời. Quán Âm Bồ Tát thành Phật trong thế giới Cực Lạc, Ngài là hậu bổ Phật của thế giới Cực Lạc. Di Lặc Bồ Tát là hậu bổ Phật trong thế giới Sa Bà của chúng ta. Sau đó, sách viết: “*Nhân dân Cực Lạc*”, phàm những ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ cũng đều một đời thành Phật. Điều này tôi đã thuật cùng quý vị trong phần trên, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng dài lâu! Thọ mạng của nhân dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như thọ mạng của A Di Đà Phật; A Di Đà Phật là vô lượng thọ, mỗi cá nhân đều vô lượng thọ.

Huống chi hoàn cảnh tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại còn tốt đẹp, thầy dạy là chư Phật Như Lai, đồng học là Bồ Xứ Bồ Tát. Tìm đâu ra hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế? Tìm không ra! Trong mười phương hết thầy cõi Phật đều không có. Quý vị nhất định phải biết điều này. Khắp cả pháp giới hư không giới, chỉ có mỗi một chỗ này, chỉ có một nhà này thôi! Ngày nay đức Thế Tôn đại từ đại bi giới thiệu cho chúng ta, nếu chúng ta chẳng thể tiếp nhận, lại còn xem nhẹ, coi thường, chẳng biết là nghiệp chướng nghiêm trọng đến mức độ nào! [Pháp môn này] giúp cho quý vị trong một đời thành Phật rất nhanh chóng, phải là ai mới hòng được gặp pháp môn này? Mười phương Bồ Tát vừa nghe liền hâm mộ cùng cực! Các Ngài tâm tâm mong cầu còn chẳng được gặp; quý vị được gặp, rất nhiều người được gặp nhưng lại sao? Chẳng tin tưởng. Chẳng tin tưởng là đúng quá rồi, vì sao vậy? Pháp khó tin mà! Cho dù quý vị tin tưởng, pháp này vẫn có thể gọi là “*pháp khó tin*” ư?

Một vạn người được tiếp xúc, nếu có một người tin tưởng thì pháp ấy khó tin. Ở trên, tôi đã có nói cùng quý vị, trong một vạn người tìm không ra một người thực sự tin tưởng. Vì sao? Trong thế giới hiện nay có gần bảy mươi ức nhân khẩu, trong một vạn người tìm được một người tin tưởng còn chưa được! Cho nên bao nhiêu người vãng sanh? Gần như là một vạn người mới có một người thực sự tin tưởng, thực sự vãng sanh trong một đời này. Trong một ức người có được một người, thì trong bảy mươi ức có được bảy mươi người. Trong một năm có bảy mươi người vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Gần như tình hình thực tế là như vậy, trong một năm chỉ có khoảng bảy mươi người vãng sanh!

Năm xưa, thầy Lý khuyến dạy mọi người niệm Phật ở Đài Trung. Tại liên xã Đài Trung, lúc chúng tôi rời khỏi đó, có khoảng năm mươi vạn liên hữu. Thầy Lý bảo tôi trong số những người niệm Phật nhiều như thế, người thực sự được vãng sanh chỉ là

một hai phần vạn, đại khái là trong một vạn người chỉ có hai ba người được vãng sanh. Đó là tính trong nhiều năm [ra con số] như vậy. Chúng tôi thống kê thấy những người được thầy Lý dạy dỗ thực sự vãng sanh thế giới Cực Lạc phải có khoảng ba trăm đến năm trăm người, chẳng thể nghĩ bàn! Thầy dạy ở đó suốt ba mươi sáu năm. Xem kệ tụng của Đại Từ Bồ Tát, chúng ta sẽ hiểu: Người khuyên dạy được ba trăm đến năm trăm người vãng sanh, người ấy đúng là Bồ Tát! Pháp khó tin lắm! Pháp khó tin mà tin tưởng được thì chẳng dễ dàng đâu!

“*Nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ cố*” (Ai này đều thực sự chứng Bồ Xứ): Một đời thành tựu, hoàn cảnh tu học quá tốt, bởi thế chẳng cần một thời gian rất lâu. Trong các cõi Phật khác, thời gian tu học rất lâu. Dẫn cho mình tâm kiến tánh, muốn đạt đến Nhất Chân pháp giới, tức thế giới Hoa Tạng, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì quý vị mới có thể thực sự đạt đến nhân viên quả mãn; nhưng thời gian ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rất ngắn ngủi, rút lại rất ngắn ngủi, chỉ cần thời gian mấy kiếp là thành công. Trong kinh nói: “*Kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện*” (Trong ấy có những vị thượng thiện như vậy), kinh nói như vậy đó, số người rất ư là nhiều. Đó là giới thiệu những vị đồng học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những đồng tham đạo hữu của quý vị đều là Duyên Giác Bồ Tát, đều là hậu bổ Phật, số người ấy tính đếm chẳng thể tận, chỉ có thể nói là A-tăng-kỳ. A! Nay đã đến giờ rồi!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký,  
Phần 7 hết**